

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 1 năm học 2019-2020 Hệ Chính quy

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070119	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	MUS2010	2	40												1*MUS2010_2014		
01	1070119				40	Nguyễn Thị Phương Mai						1-5, DNN		12/08/2019	20/10/2019				2018
	1080117	Âm nhạc trong kịch - điện ảnh	CLM2083	2	25														
01	1080117				25	Ng.Thuý Hường		7-11, E506						19/08/2019					2019
	1090119	Âm nhạc Việt Nam	MUS2056	3	1														
01	1090119				1	.										Đã năg 2018			2018
	1060045	Bố cục chất liệu Khắc gỗ	FAE2008	2	90												4*FAE2008		
01	1060045				15					1-5, B	1-5, B	1-5, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
02	1060045				15					1-5, B	1-5, B	1-5, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
03	1060045				15					1-5, B	1-5, B	1-5, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
04	1060045				15					7-11, B	7-11, B	7-11, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
05	1060045				15					7-11, B	7-11, B	7-11, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
06	1060045				15					7-11, B	7-11, B	7-11, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
	1060043	Bố cục chất liệu Sơn dầu 1	FAE2006	2	26												4*FAE2006		
01	1060043				13	Chu Hoàng Trung	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					12/08/2019	06/10/2019	K12+ K4 HH			2017
02	1060043				13	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, B205	1-5, B205	1-5, B205					12/08/2019	06/10/2019	K12+ K4 HH			2017
	1060047	Bố cục chất liệu tự chọn	FAE2010	3	32												5*FAE2010		
01	1060047				16	Vũ Thị Kim Vân	1-5, C201	1-5, C201	1-5, C201					12/08/2019	27/10/2019	K11			2016
02	1060047				16	Chu Hoàng Trung	1-5, C201	1-5, C201	1-5, C201					12/08/2019	27/10/2019	K11			2016
	1060042	Bố cục cơ bản	FAE2053	2	30												2_SPMT_M4		
01	1060042				15	Vũ Thị Kim Vân	1-5, B	1-5, B	1-5, B					14/10/2019	08/12/2019				2019
02	1060042				15	Tạ Đình Thi	1-5, B	1-5, B	1-5, B					14/10/2019	08/12/2019				2019
	1090136	Các ngành công nghiệp văn hóa	CLM2046	2	1														
01	1090136				1	..										TC			2019
	1080045	Các ngành công nghiệp văn hóa	CLM2046	2	45												5_QLVH_M4_TC		
01	1080045				45	Tráng Thị Thuý				7-11, E501				12/08/2019	03/11/2019	K11 QL			2017
	1090137	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	CLM2032	2	3														
01	1090137				3	..										TC			2019
	1080031	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	CLM2032	2	80												3_QLVH_M4		
01	1080031				40	Nông Thị Thanh Thuý		1-5, E405						12/08/2019	03/11/2019	K12QL			2018
02	1080031				40	Nguyễn Đăng Nghị	7-11, E403							12/08/2019	03/11/2019	K12QL			2018
	1060054	Chất liệu tổng hợp	FAE2015	2	36												1*FAE2015		
01	1060054				18	Tạ Đình Thi	7-11, B205	7-11, B205	7-11, B205					12/08/2019	20/10/2019	K11+MN			2016
02	1060054				18	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, B206	7-11, B206	7-11, B206					12/08/2019	20/10/2019	K11+MN			2016
	1090117	Chỉ huy hợp xướng	MUS2028	2	4														
01	1090117				1	.										Hung yen			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1090117				1	.										Đã nă 2018			2018
03	1090117				1	.										Hoa bình TC			2019
04	1090117				1	.										daklak TC			2019
	1070106	Chỉ huy hợp xưởng A	MUS2075*	0	150												5*6*2017		
01	1070106				25	Phạm Hoàng Trung			7-11, D3					12/08/2019					2017
02	1070106				25	Lê Vinh Hưng			7-11, D3					12/08/2019					2017
03	1070106				25	Phạm Hoàng Trung				7-11, D3				12/08/2019					2017
04	1070106				25	Phạm Hoàng Trung				7-11, D3				12/08/2019					2017
05	1070106				25									12/08/2019					2017
06	1070106				25									12/08/2019					2017
	1170009	Chữ cơ bản	GRD2003	2	150												3_TKDH_M3		
01	1170009				50	Phạm Hùng Cường	7-11, E603							12/08/2019	27/10/2019				2018
02	1170009				50	Nguyễn Lê Mai					1-5, E603			12/08/2019	27/10/2019				2018
03	1170009				50	Ng.Hoài Phương Anh					7-11, E603			12/08/2019	27/10/2019				2018
	1090116	Chuyển soạn cho hợp xưởng	MUS2074	2	3														
01	1090116				1	.										Đã nă 2018			2018
02	1090116				1	.										hoa bình all			2019
03	1090116				1	.										daklak all			2019
	1060019	Cơ sở tạo hình	FAE2056	2	71												2_SPMT_M3		
01	1060019				22	Trang Tô Uyên							1-5, E505	12/08/2019	29/09/2019	LT K10			2018
02	1060019				45	Trang Tô Uyên				7-11, E505				12/08/2019	29/09/2019	K13 + K5 HH			2018
03	1060019				1	Trang Tô Uyên							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
04	1060019				1	Nguyễn Thị Giang							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
05	1060019				1	Nguyễn Thị Giang							1-5, BS TANH			BS SV T.Anh			2019
06	1060019				1														2019
	1170010	Cơ sở tạo khối không gian	GRD2005	2	150												Cơ sở tạo hình 2		
01	1170010				50	Nguyễn Thành Sơn			1-5, E603					12/08/2019	20/10/2019				2018
02	1170010				50	Nguyễn Thành Sơn			7-11, E603					12/08/2019	20/10/2019				2018
03	1170010				50	Nguyễn Hữu Dũng						1-5, E603		12/08/2019	20/10/2019				2018
	1020048	Cơ sở thiết kế kỹ thuật trang phục	DGI2017	3	9														
01	1020048				9		7-11, E												2019
	1090008	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	2												CLM2001		
01	1090008				1	.										Hung yen			2018
02	1090008				1	.										Hoa bình TC			2019
	1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	225												Dung chung		
01	1080001				45	Vũ Thị Thái Hoa						7-11, E501		12/08/2019	17/11/2019				2018
02	1080001				45	Nguyễn Thị Thanh Loan			1-5, E501					12/08/2019	17/11/2019				2018
03	1080001				45	Tráng Thị Thuý		7-11, E501						12/08/2019	17/11/2019				2018
04	1080001				45	Bùi Hồng Hạnh					7-11, E501			12/08/2019	17/11/2019				2018
05	1080001				45	Nông Thị Thanh Thuý						1-5, E501		12/08/2019	17/11/2019				2018
	1020016	Công nghệ may 2	FAD2010	2	60														
01	1020016				30	Ngô Thị Thủy Thu						7-11, XM		19/08/2019	29/09/2019				2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1020016				30	Lưu Ngọc Lan			1-5, XM					19/08/2019	29/09/2019				2017
	1070003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	MUS2078	2	1												2019		
01	1070003				1	Lại Hồng Phong							7-11, LR			K11 CD-TC 2019			2019
	1060099	Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)	FAE2092	2	4												2019		
01	1060099				1	Đào Thị Thuý Anh							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
02	1060099				1	Nguyễn Minh Tân							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
03	1060099				1	Đào Thị Thuý Anh							1-5, BS TANH			BS SV T.Anh			2019
04	1060099				1														2019
	1090134	Đại cương các loại hình nghệ thuật 1	CLM2008	3	1														
01	1090134				1	..										nghe an all			2019
	1090135	Đại cương các loại hình nghệ thuật 2	CLM2009	3	1														
01	1090135				1	..										nghe an all			2019
	1090060	Dân ca	VMU2001	2	3												VMU2001		
01	1090060				1	.										Hung yen			2018
02	1090060				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
03	1090060				1	.										Thai binh			2018
	1090120	Dàn dựng chương trình Âm nhạc tổng hợp 1	MUS2066	2	2														
01	1090120				1	.										Hung yen			2018
02	1090120				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
	1070077	Dàn dựng tổng hợp A	MUS2029*	0	150												5* 6* MUS2029		
01	1070077				25	Lê Vinh Hưng	7-11, DNN							12/08/2019					2016
02	1070077				25	Phạm Xuân Danh		1-5, E607						12/08/2019					2016
03	1070077				25	Phạm Xuân Danh					1-5, D3			12/08/2019					2016
04	1070077				25	Phạm Hoàng Trung				1-5, E607				12/08/2019					2016
05	1070077				25	Phạm Hoàng Trung					1-5, E607			12/08/2019					2016
06	1070077				25	Phạm Hoàng Trung					7-11, E607			12/08/2019					2016
	1190009	Đệm thanh nhạc 1.1	PIA2007	1	32														
01	1190009				1	Trần Hà Mi		7-8, D						12/08/2019					2018
02	1190009				5	Đặng Thái Sơn				2-6, D4				19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1190009				5	Đặng Thái Sơn					2-6, D201			19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1190009				5	Lương Đức Giang				2-6, C309				19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1190009				5	Trần Bích Thủy				7-11, C309				19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1190009				5	Vũ Thanh Xuân					7-11, E306			19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1190009				5	Bùi Thị Diệu Minh	7-11, D4							19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1190009				1	Trần Quốc Thùy					7-11, D								2019
	1190011	Đệm thanh nhạc 2.1	PIA2008	1															
01	1190011				0	Lê Hải Thuận				7-11, D4				12/08/2019					2018
03	1190011				0	Đặng Thái Sơn						7-12, D202		12/08/2019					2018
05	1190011				0	Vũ Thanh Xuân					7-9, D202			12/08/2019					2018
	1190013	Đệm thanh nhạc 3.1	PIA2009	1	1														
01	1190013				0	Lê Hải Thuận					1-2, D4			12/08/2019					2017
02	1190013				0	Trần Quốc Thùy					7-10, C309			12/08/2019					2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1190013				0	Lương Đức Giang						1-6, D4		12/08/2019					2017
04	1190013				1	Lương Đức Giang		3-4, D											2017
05	1190013				0	Trần Quốc Thùy					12-14, D208			12/08/2019					2017
	1190014	Đệm thanh nhạc 3.2	PIA2009	1	5														
01	1190014				1	Lương Đức Giang					3-6, d4								2016
02	1190014				2	Vũ Thanh Xuân					3-4, D								2015
03	1190014				2														2015
	1190015	Đệm thanh nhạc 4.1	PIA2010	1															
02	1190015				0	Lê Hải Thuận		3-6, D4						12/08/2019					2016
04	1190015				0	Lương Đức Giang						7-11, D4		12/08/2019					2016
05	1190015				0	Trần Quốc Thùy			9-10, D					12/08/2019					2016
	1140029	Dinh dưỡng trẻ em	PPE2020	2	18												2*		
01	1140029				18	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				7-11, E403				12/08/2019	29/09/2019	K3MN			2016
	1020010	Đồ án tổng hợp tiền tốt nghiệp	FAD2030	2	105														
01	1020010				15	Hoàng Thị Oanh							7-11, DA	19/08/2019					2016
02	1020010				10	Lê Phương Anh							7-11, DA	19/08/2019					2016
03	1020010				10	Lưu Ngọc Lan							7-11, DA	19/08/2019					2016
04	1020010				10	Vũ Mai Hiền							7-11, DA	19/08/2019					2016
05	1020010				10	Lê Thị Hồng Quyên							7-11, DA	19/08/2019					2016
06	1020010				10	Nguyễn Huyền Trang							7-11, DA	19/08/2019					2016
07	1020010				5	Ng. Thị Bích Liên							7-11, DA	19/08/2019					2016
08	1020010				5	Ng. Triều Dương							7-11, DA	19/08/2019					2016
09	1020010				5	Lê Nguyễn Kiều Trang							7-11, DA	19/08/2019					2016
10	1020010				5	Đỗ Thu Huyền							7-11, DA	19/08/2019					2016
11	1020010				10	Ngô Thị Thủy Thu							7-11, DA	19/08/2019					2016
12	1020010				10	Ng. Thị Minh Ngọc							7-11, DA	19/08/2019					2016
	1170048	Đồ án tốt nghiệp	GRD2042*	0	25												9_TKDH_M5		
01	1170048				1	Phạm Hùng Cường							7-11, DA						2015
02	1170048				1	Phạm Phương Linh							7-11, DA						2015
03	1170048				1	Lê Đức Cường							7-11, DA						2015
04	1170048				1	Dương Thị Vân							7-11, DA						2015
05	1170048				1	Lò Mai Trang							7-11, DA						2015
06	1170048				1	Nguyễn Đức Lân							7-11, DA						2015
07	1170048				1	Nguyễn Văn Hiến							7-11, DA						2015
08	1170048				1	Lê Huy Thục							7-11, DA						2015
09	1170048				1	Nguyễn Quang Huy							7-11, DA						2015
10	1170048				1	Tổng Việt Anh							7-11, DA						2015
11	1170048				1	Nguyễn Hải Kiên							7-11, DA						2015
12	1170048				1	Nguyễn Duy Hùng							7-11, DA						2015
13	1170048				1	Vũ Minh Hoàng							7-11, DA						2015
14	1170048				1	Nguyễn Xuân Tâm							7-11, DA						2015
15	1170048				1	Vũ Xuân Hiến							7-11, DA						2015
16	1170048				1	Ng. Hoài Phương Anh							7-11, DA						2015
17	1170048				1	Nguyễn Thị Hải Yến							7-11, DA						2015
18	1170048				1	Ng. Duy Quốc Tuấn							7-11, DA						2015
19	1170048				1	Nguyễn Lê Mai							7-11, DA						2015
20	1170048				1	Nguyễn Thành Sơn							7-11, DA						2015
21	1170048				1	Nguyễn Trần Thế Hiệp							7-11, DA						2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
22	1170048				1	Nguyễn Hữu Dũng							7-11, DA						2015
23	1170048				1	Nguyễn Hồng Sơn							7-11, DA						2015
24	1170048				1								7-11, DA						2015
25	1170048				1								7-11, DA						2015
	1170023	Đồ họa ảnh	GRD2018	2	150												5_TKDH_M4		
01	1170023				50	Nguyễn Quang Huy		1-5, E605						12/08/2019	06/10/2019				2017
02	1170023				50	Nguyễn Trần Thế Hiệp		7-11, E605						12/08/2019	06/10/2019				2017
03	1170023				50	Nguyễn Hải Kiên					7-11, E605			12/08/2019	06/10/2019				2017
	1020032	Đồ họa thời trang 1	FAD2031	2	90														
01	1020032				15	Vũ Thanh Nghị					7-11, E			19/08/2019	27/10/2019				2018
02	1020032				15	Bùi Thị Nam		1-5, E						19/08/2019	27/10/2019				2018
03	1020032				15			1-5, E						19/08/2019	27/10/2019				2018
04	1020032				15	Ngô Thị Thu Hà					7-11, E			19/08/2019	27/10/2019				2018
05	1020032				15	Lê Mai Trinh		1-5, E						19/08/2019	27/10/2019				2018
06	1020032				15	Lê Thị Lan					7-11, E			19/08/2019	27/10/2019				2018
	1020033	Đồ họa thời trang 2	FAD2032	3	75														
01	1020033				15	Nguyễn Hoàng Tùng		7-11, A203						12/08/2019	20/10/2019				2017
02	1020033				15	Hoàng Thắng		7-11, A203						12/08/2019	20/10/2019				2017
03	1020033				15	Hoàng Thắng				1-5, E				12/08/2019	20/10/2019				2017
04	1020033				15	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, E				12/08/2019	20/10/2019				2017
05	1020033				15									12/08/2019	20/10/2019				2017
	1090021	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	POL2004	3	2												POL2004		
01	1090021				1	.										Hung yen			2018
02	1090021				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
	1090108	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	CLM2010	2	1												CLM2010		
01	1090108				1	..										nghe an all			2019
	1080012	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	CLM2010	2	131												2_QLVH_M3		
01	1080012				45	Nguyễn Hữu Thức		1-5, E503						12/08/2019	03/11/2019	DVK, TN Piano			2017
02	1080012				45	Nguyễn Hữu Thức			1-5, E503					12/08/2019	03/11/2019	DVK, TN Piano			2017
03	1080012				40	Nguyễn Thị Thanh Loan						1-5, E403		19/08/2019	13/10/2019	8			2019
04	1080012				1	Nguyễn Thị Thanh Loan						1-5, E403							2019
	1060022	Giải phẫu tạo hình	FAE2077	2	140												2_SPMT_M3		
01	1060022				35	Vũ Hạnh Chi			1-5, E305					19/08/2019	27/10/2019	10			2019
02	1060022				35	Nguyễn Thị Giang			7-11, E305					19/08/2019	27/10/2019				2019
03	1060022				35	Trang Tổ Uyên					1-5, E501			19/08/2019	27/10/2019				2019
04	1060022				35	Vũ Hạnh Chi						1-5, E503		19/08/2019	27/10/2019				2019
	1140002	Giáo dục thể chất 1	PPE2010	0	541												1*1_mon_chun g_M1		
01	1140002				30	Phạm Minh Tuấn				1-5, SVD				19/08/2019	01/12/2019				2019
02	1140002				30	Phạm Minh Tuấn				7-11, SVD				19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1140002				30	Phạm Minh Tuấn					7-11, SVD			19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1140002				30	Bùi Thị Ánh Tuyết			1-5, SVD					19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1140002				30	Bùi Thị Ánh Tuyết			7-11, SVD					19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1140002				30	Bùi Thị Ánh Tuyết						1-5, SVD		19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1140002				30	Lê Việt Hùng		7-11, SVD						19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1140002				30	Lê Việt Hùng			7-11, SVD					19/08/2019	01/12/2019				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1140002				30	Lê Việt Hùng				7-11, SVD				19/08/2019	01/12/2019				2019
10	1140002				30	Nguyễn Minh Trâm		1-5, SVD						19/08/2019	01/12/2019				2019
11	1140002				30	Nguyễn Minh Trâm				1-5, SVD				19/08/2019	01/12/2019				2019
12	1140002				30	Nguyễn Minh Trâm					1-5, SVD			19/08/2019	01/12/2019				2019
13	1140002				30	Bùi Thị Huyền	1-5, SVD							19/08/2019	01/12/2019				2019
14	1140002				30	Bùi Thị Huyền			1-5, SVD					19/08/2019	01/12/2019				2019
15	1140002				30	Bùi Thị Huyền					1-5, SVD			19/08/2019	01/12/2019				2019
16	1140002				30	Phạm Thị Huyền Trang	1-5, SVD							19/08/2019	01/12/2019				2019
17	1140002				30	Phạm Thị Huyền Trang		1-5, SVD						19/08/2019	01/12/2019				2019
18	1140002				30	Phạm Thị Huyền Trang						1-5, SVD		19/08/2019	01/12/2019				2019
19	1140002				1	Phạm Minh Tuấn				1-5, SVD									2019
	1070051	Giới thiệu nhạc cụ	MUS2030	2	280												1*MUS2030		
01	1070051				40	Lại Hồng Phong		7-11, D1						19/08/2019	03/11/2019				2019
02	1070051				40	Lại Hồng Phong					7-11, D1			19/08/2019	03/11/2019				2019
03	1070051				40	Nguyễn Thành Vinh					1-5, D1			19/08/2019	03/11/2019				2019
04	1070051				40	Nguyễn Khải			7-11, D2					19/08/2019	03/11/2019				2019
05	1070051				40	Nguyễn Đức Linh	1-5, D304							19/08/2019	03/11/2019				2019
06	1070051				40	Nguyễn Hồng Trang			1-5, D3					19/08/2019	03/11/2019				2019
07	1070051				40	Nguyễn Hồng Trang				1-5, D2				19/08/2019	03/11/2019				2019
	1090019	Giới thiệu nhạc cụ	MUS2030	2	3												MUS2030		
01	1090019				1	.											Hoa binh TC		2019
02	1090019				1	.											daklak TC		2019
03	1090019				1	.											Thai binh		2019
	1090033	Hát hợp xướng	*MUS2027	3	3												*MUS2027		
01	1090033				1	.											Hoa binh TC		2019
02	1090033				1	.											daklak TC		2019
03	1090033				1	.											Thai binh		2019
	1070014	Hát hợp xướng A	MUS2027*	0	175												3*4* MUS2027		
01	1070014				35	Lê Vinh Hưng				7-11, DNN				12/08/2019					2018
02	1070014				35	Phạm Xuân Danh			7-11, DNN					12/08/2019					2018
03	1070014				35	Phạm Xuân Danh		7-11, D3						12/08/2019					2018
04	1070014				35	Phạm Hoàng Trung		1-5, D3						12/08/2019					2018
05	1070014				35	Phạm Hoàng Trung	1-5, D3							12/08/2019					2018
	1020037	Hình họa 1	FAD2050	2	47														
01	1020037				12	Ngô Văn Sơn	7-11, B	7-11, B	7-11, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
02	1020037				12	Trương Tuấn Anh	7-11, B	7-11, B	7-11, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
03	1020037				12	Nguyễn Minh Thùy				1-5, B	1-5, B	1-5, B		19/08/2019	13/10/2019				2019
04	1020037				10	Vũ Thanh Nghị				1-5, B	1-5, B	1-5, B		09/09/2019	03/11/2019				2019
05	1020037				1	Trương Tuấn Anh	7-11, B	7-11, B	7-11, B										2019
	1060097	Hình họa 1	FAE2047	2	31														
01	1060097				15	Nguyễn Huy Trung	1-5, B	1-5, B	1-5, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
02	1060097				15	Lê Thị Kim Liên	1-5, B	1-5, B	1-5, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
03	1060097				1	Nguyễn Huy Trung	1-5, B	1-5, B	1-5, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
	1170053	Hình họa 1	GRD2048	2	144														
01	1170053				12	Nguyễn Hồng Sơn	10-11, B	10-11, B	10-11, B					03/09/2019	01/12/2019	2			2019
02	1170053				12	Trần Thanh Tùng	10-11, B	10-11, B	10-11, B					03/09/2019	01/12/2019	2			2019
03	1170053				12	Nguyễn Thị Mỹ	10-11, B	10-11, B	10-11, B					03/09/2019	01/12/2019	2			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1170053				12	Nguyễn Hải Kiên	10-11, B	10-11, B	10-11, B					03/09/2019	01/12/2019	2			2019
05	1170053				12	Vũ Xuân Hiền	10-11, B	10-11, B	10-11, B					09/09/2019	01/12/2019	1			2019
06	1170053				12	Nguyễn Thị Mỹ	10-11, B	10-11, B	10-11, B					09/09/2019	01/12/2019	1			2019
07	1170053				12	Nguyễn Hải Kiên	10-11, B	10-11, B	10-11, B					09/09/2019	01/12/2019	1			2019
08	1170053				12	Trần Thanh Tùng	10-11, B	10-11, B	10-11, B					09/09/2019	01/12/2019	1			2019
09	1170053				12	Lê Quang				9-10, B	9-10, B	9-10, B		05/09/2019	01/12/2019				2019
10	1170053				12	Nguyễn Thị Mỹ				9-10, B	9-10, B	9-10, B		05/09/2019	01/12/2019				2019
11	1170053				12	Trần Thanh Tùng				9-10, B	9-10, B	9-10, B		05/09/2019	01/12/2019				2019
12	1170053				12	Vũ Xuân Hiền				9-10, B	9-10, B	9-10, B		05/09/2019	01/12/2019				2019
	1020041	Hình họa 3	FAD2052	2	90														
01	1020041				15	Ngô Văn Sơn	1-5, B	1-5, B	1-5, B					12/08/2019	06/10/2019				2018
02	1020041				15	Phạm Viết Minh Tri	1-5, B	1-5, B	1-5, B					12/08/2019	06/10/2019				2018
03	1020041				15	Ngô Văn Sơn				7-11, B	7-11, B	7-11, B		12/08/2019	06/10/2019				2018
04	1020041				15	Bùi Thị Nam				7-11, B	7-11, B	7-11, B		12/08/2019	06/10/2019				2018
05	1020041				15					7-11, B	7-11, B	7-11, B		12/08/2019	06/10/2019				2018
06	1020041				15	Nguyễn Minh Thùy	1-5, B	1-5, B	1-5, B					12/08/2019	06/10/2019				2018
	1170055	Hình họa 3	GRD2047	2	150														
01	1170055				15	Vũ Xuân Hiền	1-2, B	1-2, B	1-2, B					12/08/2019	27/10/2019				2018
02	1170055				15		1-2, B	1-2, B	1-2, B					12/08/2019	27/10/2019				2018
03	1170055				15	Nguyễn Hồng Sơn	1-2, B	1-2, B	1-2, B					12/08/2019	27/10/2019				2018
04	1170055				15	Trần Thanh Tùng	1-2, B	1-2, B	1-2, B					12/08/2019	27/10/2019				2018
05	1170055				15	Lê Quang	3-4, B	3-4, B	3-4, B					19/08/2019	27/10/2019				2018
06	1170055				15	Vũ Xuân Hiền	3-4, B	3-4, B	3-4, B					19/08/2019	27/10/2019				2018
07	1170055				15	Nguyễn Hải Kiên	3-4, B	3-4, B	3-4, B					19/08/2019	27/10/2019				2018
08	1170055				15	Nguyễn Xuân Tám				1-2, B	1-2, B	1-2, B		12/08/2019	27/10/2019				2018
09	1170055				15	Nguyễn Hải Kiên				1-2, B	1-2, B	1-2, B		12/08/2019	27/10/2019				2018
10	1170055				15	Lê Đức Cường				1-2, B	1-2, B	1-2, B		12/08/2019	27/10/2019				2018
	1060002	Hình họa 3	FAE2049	2	39												2018		
01	1060002				13	Nguyễn Quang Hải	7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203					12/08/2019	06/10/2019	K13 + HH			2018
02	1060002				13	Nguyễn Quang Minh	7-11, B204	7-11, B204	7-11, B204					12/08/2019	06/10/2019	K13 + HH			2018
03	1060002				13	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, B205	7-11, B205	7-11, B205					12/08/2019	06/10/2019	K13 + HH			2018
	1020042	Hình họa 4	FAD2053	2	1														
06	1020042				1	Lê Thị Lan							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1060035	Hình họa 5	FAE2001	2	218												5* FAE2001		
01	1060035				13	Hoàng Đức Dũng	7-11, B201	7-11, B201	7-11, B201					12/08/2019	06/10/2019	K12+ K4 HH			2017
02	1060035				13	Nguyễn Văn Cường	7-11, B202	7-11, B202	7-11, B202					12/08/2019	06/10/2019	K12+ K4 HH			2017
03	1060035				15	Lê Thị Kim Liên							1-5, LR	07/10/2019	01/12/2019	Lop riêng			2019
04	1060035				15					1-5, B	1-5, B	1-5, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
05	1060035				15					1-5, B	1-5, B	1-5, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
06	1060035				15					7-11, B	7-11, B	7-11, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
07	1060035				15					7-11, B	7-11, B	7-11, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
08	1060035				15					7-11, B	7-11, B	7-11, B		07/10/2019	01/12/2019	K11 MT LT			2019
09	1060035				15														2017
10	1060035				15														2017
11	1060035				15														2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
12	1060035				15														2017
13	1060035				15														2017
14	1060035				15														2017
15	1060035				1	Nguyễn Thị May							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
16	1060035				1	Lê Thị Kim Liên							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
17	1060035				1	Ngô Văn Sơn							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
18	1060035				1	Nguyễn Thị May							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
19	1060035				1	Lê Thị Kim Liên							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
20	1060035				1	Nguyễn Văn Cường							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
21	1060035				1														2019
22	1060035				1														2019
23	1060035				1														2019
24	1060035				1														2019
25	1060035				1														2019
26	1060035				1														2019
	1060037	Hình họa 7	F AE2003	3	52												7* FAE2003		
01	1060037				16	Nguyễn Quang Hải				7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203		12/08/2019	20/10/2019	K11			2016
02	1060037				16	Nguyễn Tú Anh				7-11, B204	7-11, B204	7-11, B204		12/08/2019	20/10/2019	K11			2016
03	1060037				10	Lê Thị Kim Liên				7-11, B201	7-11, B201	7-11, B201		12/08/2019	20/10/2019	LT K10			2018
04	1060037				10	Nguyễn Thị May				7-11, B202	7-11, B202	7-11, B202		12/08/2019	20/10/2019	LT K10			2018
	1020026	Hình họa chuyên ngành 1	FAD2020	2	76														
01	1020026				15	Trần Thị Liên	1-5, C	1-5, C	1-5, C					19/08/2019	29/09/2019				2017
02	1020026				15	Hoàng Thắng	1-5, C	1-5, C	1-5, C					19/08/2019	29/09/2019				2017
03	1020026				15		1-5, C	1-5, C	1-5, C					19/08/2019	29/09/2019				2017
04	1020026				15	Trần Thị Liên				7-11, C	7-11, C	7-11, C		19/08/2019	29/09/2019				2017
05	1020026				15	Tô Kim Nhung				7-11, C	7-11, C	7-11, C		19/08/2019	29/09/2019				2017
06	1020026				1	Vũ Thanh Nghị							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1170013	Hình họa chuyên ngành 1	GRD2008	4	135												5_TKDH_M3		
01	1170013				15	Nguyễn Xuân Tám	7-9, A	7-9, A	7-9, A					12/08/2019	20/10/2019				2017
02	1170013				15	Nguyễn Hồng Sơn	7-9, A	7-9, A	7-9, A					12/08/2019	20/10/2019				2017
03	1170013				15	Ng.Duy Quốc Tuấn	7-9, A	7-9, A	7-9, A					12/08/2019	20/10/2019				2017
04	1170013				15	Vũ Xuân Hiền	10-11, A	10-11, A	10-11, A					19/08/2019	20/10/2019				2017
05	1170013				15	Nguyễn Hữu Dũng	10-11, A	10-11, A	10-11, A					19/08/2019	20/10/2019				2017
06	1170013				15	Lê Quang	10-11, A	10-11, A	10-11, A					19/08/2019	20/10/2019				2017
07	1170013				15	Ng.Duy Quốc Tuấn				10-11, A	10-11, A	10-11, A		12/08/2019	20/10/2019				2017
08	1170013				15	Lê Đức Cường				10-11, A	10-11, A	10-11, A		12/08/2019	20/10/2019				2017
09	1170013				15					7-9, A	7-9, A	7-9, A		12/08/2019	20/10/2019				2017
	1170019	Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh	GRD2014	3	192												Hình họa nghiên cứu vật thể tĩnh		
01	1170019				16	Nguyễn Xuân Tám	1-2, A	1-2, A	1-2, A					12/08/2019	20/10/2019				2016
02	1170019				16	Nguyễn Hữu Dũng	1-2, A	1-2, A	1-2, A					12/08/2019	20/10/2019				2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1170019				16	Khúc Đỗ Tri	1-2, A	1-2, A	1-2, A					12/08/2019	20/10/2019				2016
04	1170019				16	Nguyễn Xuân Tâm	3-4, A	3-4, A	3-4, A					19/08/2019	20/10/2019				2016
05	1170019				16	Nguyễn Hữu Dũng	3-4, A	3-4, A	3-4, A					19/08/2019	20/10/2019				2016
06	1170019				16	Ng.Duy Quốc Tuấn	3-4, A	3-4, A	3-4, A					19/08/2019	20/10/2019				2016
07	1170019				16	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2019	20/10/2019				2016
08	1170019				16	Nguyễn Hồng Sơn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2019	20/10/2019				2016
09	1170019				16	Lê Quang				1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2019	20/10/2019				2016
10	1170019				16	Lê Đức Cường				3-4, A	3-4, A	3-4, A		22/08/2019	20/10/2019				2016
11	1170019				16					3-4, A	3-4, A	3-4, A		22/08/2019	20/10/2019				2016
12	1170019				16	Trần Thanh Tùng				3-4, A	3-4, A	3-4, A		22/08/2019	20/10/2019				2016
	1080093	Hình thể 1 (Kỹ thuật cơ bản)	CLM2059	3	25														
01	1080093				25	Kiều Minh Hiếu		1-5, NA402						19/08/2019					2019
	1080095	Hình thể 3 (Múa)	CLM2061	3	14												DVK		
01	1080095				14	Ng.Thuý Hường			1-5, NA402					12/08/2019	03/11/2019				2018
	1200006	Hóa học	DGI2006	2	8														
01	1200006				8	Trần Thanh Nga								12/08/2019	22/09/2019				2018
	1190017	Hòa tấu 1.1	PIA2011	1	31														
01	1190017				1	Trần Hà Mi			1-2, D					12/08/2019					2018
02	1190017				5	Nguyễn Hiền Đức						7-11, D4		19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1190017				5	Phạm Hồng Phương			2-6, D4					19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1190017				5	Phạm Hồng Phương			7-11, D4					19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1190017				5	Cù Minh Giang			7-11, C309					19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1190017				5	Bá Sán			2-6, C309					19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1190017				5	Vũ Ngọc Sơn						2-6, C309		19/08/2019	01/12/2019				2019
	1190019	Hòa tấu 2.1	PIA2012	1	1														
01	1190019				0	Đinh Thu Hương		7-12, NHVKVN						12/08/2019					2018
02	1190019				0	Bá Sán						2-6, D207		12/08/2019					2018
03	1190019				1	Nguyễn Thị Hiền Anh				3-6, D									2018
04	1190019				0	Nguyễn Hiền Đức					3-6, d4			12/08/2019					2018
	1190020	Hòa tấu 2.2	PIA2012	1	1														
01	1190020				1	Vũ Ngọc Sơn						7-8, D							2018
	1190021	Hòa tấu 3.1	PIA2013	1	1														
01	1190021				1	Nguyễn Thị Hiền Anh		3-6, D4											2016
02	1190021				0	Cù Minh Giang					7-11, C308			12/08/2019					2017
03	1190021				0	Vũ Ngọc Sơn						8-12, C309		12/08/2019					2017
04	1190021				0	Nguyễn Hiền Đức						7-11, C308		12/08/2019					2017
06	1190021				0	Phạm Hồng Phương					7-11, C310			12/08/2019					2017
	1190022	Hòa tấu 3.2	PIA2013	1	6														
01	1190022				1	Nguyễn Thị Hiền Anh		2-3, D											2017
02	1190022				1	Nguyễn Thị Hiền Anh				2-3, D									2017
03	1190022				2	Phạm Hồng Phương			2-3, D										2015
04	1190022				2														2015
	1190023	Hòa tấu 4.1	PIA2014	1	3														
01	1190023				1	Nguyễn Thị Hiền Anh			2-6, D4					12/08/2019					2016
02	1190023				0	Nguyễn Hiền Đức					2-6, D4			12/08/2019					2016
03	1190023				0	Đinh Công Hải	7-11, D201							12/08/2019					2016
04	1190023				1	Nguyễn Thị Hiền Anh				2-6, D4									2016
05	1190023				1	Cù Minh Giang			2-6, D										2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070102	Hòa thanh 1	MUS2062	2	200												3* 2018		
01	1070102				40	Nguyễn Khải	7-11, D304							12/08/2019	24/11/2019				2018
02	1070102				40	Nguyễn Khải			1-5, DNN					12/08/2019	24/11/2019				2018
03	1070102				40	Nguyễn Khải					1-5, D405			12/08/2019	24/11/2019				2018
04	1070102				40									12/08/2019	24/11/2019				2018
05	1070102				40	Phạm Thu Hường		1-5, DNN						12/08/2019	24/11/2019				2018
	1070116	Hòa thanh 1	MUS2022	3	1												3*MUS2022_2014		
01	1070116				1	Phạm Thu Hường							1-5, LR						2016
	1090032	Hòa thanh 2	MUS2023	2	3												MUS2023		
01	1090032				1	.										hoa binh all			2019
02	1090032				1	.										daklak all			2019
03	1090032				1	.										Thai binh			2019
	1190026	Hòa thanh trên đàn 2	PIA2016	2	1														
01	1190026				1	Nguyễn Đức Linh							1-5, LR						2019
	1080077	Hóa trang	CLM2053	2	12												DVK		
01	1080077				12									12/08/2019	20/10/2019	DVK -2			2016
	1110017	Hoạt động Mỹ thuật ngoài giờ lên lớp	BFA2005	2	30												4* MTCS_K5_SP MT		
01	1110017				30	Đào Thị Thuý Anh				1-5, E505				12/08/2019	27/10/2019	K12 SPMT			2017
	1070011	Hộp xướng 1	MUS2080	2	1												2019		
01	1070011				1	Lê Vinh Hưng							1-5, K11TC			K11 TC			2019
	1110065	Hướng dẫn chuẩn bị đồ chơi, đồ dùng DH trong GDMN	BFA2039	2	8												1*		
01	1110065				8	Đào Thị Thuý Anh	7-11, E506							12/08/2019	29/09/2019	SPMN			2017
	1070101	Keyboard/Guitar 3	*MUS2087	1	4												2019		
01	1070101				1	Đào Văn Thực							1-5, D			Lien thông 11			2019
02	1070101				1	Ngô Thị Việt Anh							1-5, D			Lien thông 11			2019
03	1070101				1	Lương Đức Giang							1-5, D			Lien thông 11			2019
04	1070101				1	Đào văn Kiên							1-5, D			Lien thông 11			2019
	1090109	Khoa học quản lý và quản lý văn hóa	CLM2011	3	1												CLM2001		
01	1090109				1	..										nghe an 69 79			2019
	1080096	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 1	CLM2062	3	25												DVK		
01	1080096				25	Trần Hoàng					1-5, NA402			19/08/2019					2019
	1080098	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 3	CLM2064	3	14														
01	1080098				14	Trần Hoàng				7-11, NA402				12/08/2019	03/11/2019				2018
	1080100	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 5	CLM2066	3	14														
01	1080100				14	Trần Hoàng				1-5, NA402				12/08/2019					2017
	1080102	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 7	CLM2068	3	12														
01	1080102				12	Nguyễn Khắc Hiệp			7-11, E					12/08/2019	03/11/2019	DVK -2			2016
	1080120	Kỹ thuật điện ảnh	CLM2082	2	14														
01	1080120				14	Nam Trung		7-11, NA402						12/08/2019	03/11/2019				2017
	1200021	Kỹ thuật tạo chất liệu vải	DGI2021	2	20														
01	1200021				20	Lê Nguyễn Kiều Trang		1-5, A						12/08/2019	20/10/2019				2017
	1070007	Ký xướng âm 1	MUS2017	2	270												1* MUS2017		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070007				15	Nguyễn Đức Linh			1-5, D404					19/08/2019	17/11/2019				2019
02	1070007				15	Nguyễn Hồng Trang				7-11, D404				19/08/2019	17/11/2019				2019
03	1070007				15	Nguyễn Hồng Trang						7-11, D204		19/08/2019	17/11/2019				2019
04	1070007				15	Nguyễn Thị Lệ Huyền				1-5, D404				19/08/2019	17/11/2019				2019
05	1070007				15	Phạm Xuân Cảnh		1-5, D304						19/08/2019	17/11/2019				2019
06	1070007				15	Phạm Xuân Cảnh		7-11, D406						19/08/2019	17/11/2019				2019
07	1070007				15	Vũ Thị Kim Thu			7-11, D204					19/08/2019	17/11/2019				2019
08	1070007				15	Vũ Thị Kim Thu					7-11, D204			19/08/2019	17/11/2019				2019
09	1070007				15	Nguyễn Thành Vinh	7-11, D204							19/08/2019	17/11/2019				2019
10	1070007				15	Nguyễn Thành Vinh		1-5, D404						19/08/2019	17/11/2019				2019
11	1070007				15	Mai Linh Chi	1-5, D404							19/08/2019	17/11/2019				2019
12	1070007				15	Ng.Thị Thu Trang					1-5, D304			19/08/2019	17/11/2019				2019
13	1070007				15	Trần Thị Thanh Hương			1-5, D405					19/08/2019	17/11/2019				2019
14	1070007				15	Trần Thị Thanh Hương			7-11, D404					19/08/2019	17/11/2019				2019
15	1070007				15	Nghiêm Hồng Hà				1-5, D204				19/08/2019	17/11/2019				2019
16	1070007				15	Nghiêm Hồng Hà					1-5, D404			19/08/2019	17/11/2019				2019
17	1070007				15	Nghiêm Hồng Hà						7-11, D305		19/08/2019	17/11/2019				2019
18	1070007				15	Phạm Thu Hường						1-5, D304		19/08/2019	17/11/2019				2019
	1090114	Ký xướng âm 2	MUS2018	2	2														
01	1090114				1	.										Hoa bình TC			2019
02	1090114				1	.										Thai bình			2019
	1070021	Ký xướng âm 3	MUS2019	2	169												3* MUS2019		
01	1070021				13	Nguyễn Hồng Trang		7-11, D204						12/08/2019	10/11/2019				2018
02	1070021				13	Khuất Duy Nhã						1-5, D406		12/08/2019	10/11/2019				2018
03	1070021				13	Nguyễn Đức Linh					7-11, D405			12/08/2019	10/11/2019				2018
04	1070021				13	Nguyễn Đức Linh						1-5, D204		12/08/2019	10/11/2019				2018
05	1070021				13	Nguyễn Hồng Trang		1-5, D204						12/08/2019	10/11/2019				2018
06	1070021				13	Nguyễn Thị Lệ Huyền							1-5, LTK11			LTK11 TC			2018
07	1070021				13	Nguyễn Thị Lệ Huyền					7-11, D204			12/08/2019	10/11/2019				2018
08	1070021				13									12/08/2019	10/11/2019				2018
09	1070021				13	Phạm Xuân Cảnh				1-5, D406				12/08/2019	10/11/2019				2018
10	1070021				13	Vũ Thị Kim Thu		7-11, D404						12/08/2019	10/11/2019				2018
11	1070021				13	Vũ Thị Kim Thu					1-5, D204			12/08/2019	10/11/2019				2018
12	1070021				13	Nguyễn Thành Vinh			7-11, D406					12/08/2019	10/11/2019				2018
13	1070021				13	Nguyễn Thành Vinh				7-11, D406				12/08/2019	10/11/2019				2018
	1090011	Ký xướng âm 3	MUS2019	2	3												MUS2019		
01	1090011				1	.										Hoa bình TC			2019
02	1090011				1	.										daklak TC			2019
03	1090011				1	.										Thai bình			2019
	1090031	Ký xướng âm 4	MUS2020	2	4												MUS2020		
01	1090031				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
02	1090031				1	.										hoa bình all			2019
03	1090031				1	.										daklak all			2019
04	1090031				1	.										Thai bình			2019
	1070037	Ký xướng âm 5	MUS2021	2	143												5* MUS2021		
01	1070037				13	Khuất Duy Nhã	1-5, D204							12/08/2019	10/11/2019				2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1070037				13	Nguyễn Hồng Trang					7-11, D406			12/08/2019	10/11/2019				2017
03	1070037				13	Nguyễn Đức Linh		1-5, D406						12/08/2019	10/11/2019				2017
04	1070037				13	Nguyễn Đức Linh					1-5, D406			12/08/2019	10/11/2019				2017
05	1070037				13	Phạm Xuân Cảnh						7-11, D204		12/08/2019	10/11/2019				2017
06	1070037				13									12/08/2019	10/11/2019				2017
07	1070037				13	Nguyễn Thị Lệ Huyền				7-11, D204				12/08/2019	10/11/2019				2017
08	1070037				13									12/08/2019	10/11/2019				2017
09	1070037				13									12/08/2019	10/11/2019				2017
10	1070037				13	Vũ Thị Kim Thu			1-5, D406					12/08/2019	10/11/2019				2017
11	1070037				13									12/08/2019	10/11/2019				2017
	1090044	Ký xướng âm 5	MUS2021	2	2												MUS2021		
01	1090044				1	.										Hung yen			2018
02	1090044				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
	1070020	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	MUS2004	2	1												1*MUS2004		
01	1070020				1	Nguyễn Thị Phương Mai							1-5, LR						2016
	1070112	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	MUS2060	2	240												2018		
01	1070112				40	Ng.Thị Thu Trang	1-5, D1							12/08/2019	20/10/2019				2018
02	1070112				40									12/08/2019	20/10/2019				2018
03	1070112				40	Nguyễn Thị Phương Mai				7-11, D305				12/08/2019	20/10/2019				2018
04	1070112				40	Ng.Thị Thu Trang					7-11, D3			12/08/2019	20/10/2019				2018
05	1070112				40	Nguyễn Thị Tổ Mai			7-11, E306					12/08/2019	20/10/2019				2018
06	1070112				40	Đoàn Thị Thu Hà	7-11, D1							12/08/2019	20/10/2019				2018
	1090113	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2061	2	3														
01	1090113				1	.										hoa binh all			2019
02	1090113				1	.										daklak all			2019
03	1090113				1	.										Thai binh			2019
	1070104	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2061	2	12												2018		
01	1070104				12														2019
	1070118	Lịch sử âm nhạc thế giới 3	MUS2006	2	160												3*MUS2006_2014		
01	1070118				40	Nghiêm Hồng Hà	7-11, DNN							12/08/2019	20/10/2019				2017
02	1070118				40	Nghiêm Hồng Hà					7-11, D304			12/08/2019	20/10/2019				2017
03	1070118				40	Trần Thị Thanh Hương		7-11, DNN						12/08/2019	20/10/2019				2017
04	1070118				40	Trần Thị Thanh Hương				1-5, D305				12/08/2019	20/10/2019				2017
	1080089	Lịch sử Điện ảnh Thế giới và Việt Nam	CLM2058	3	14												DVK		
01	1080089				14	Hà Thị Thu Hà				7-11, E502				12/08/2019					2017
	1110018	Lịch sử Mỹ thuật thế giới	BFA2010	2	30												1* MTCS_K5_SP MT		
01	1110018				30	Nguyễn Minh Tân					7-11, E506			12/08/2019	20/10/2019	K12+ K4 HH			2017
	1080121	Lịch sử văn học thế giới và Việt Nam	CLM2084	3	14														
01	1080121				14	Hà Thị Thu Hà					7-11, NA402			12/08/2019	03/11/2019				2017
	1080008	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2	40												1_QLVH_M2_TC		
01	1080008				40	Vũ Thị Thái Hoa					7-11, E503			19/08/2019	13/10/2019	8			2019
	1090087	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2	1												CLM2004		
01	1090087				1	..										nghe an all			2019
	1060023	Luật xa gần	FAE2078	2	175												1_SPMT_M3		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1060023				35	Vũ Hạnh Chi				1-5, E506				19/08/2019	27/10/2019	10			2019
02	1060023				35	Trang Tổ Uyên		1-5, E505						19/08/2019	27/10/2019				2019
03	1060023				35	Vũ Hạnh Chi		7-11, E505						19/08/2019	27/10/2019				2019
04	1060023				35	Vũ Hạnh Chi					1-5, E505			19/08/2019	27/10/2019				2019
05	1060023				35	Trang Tổ Uyên						1-5, E505		19/08/2019	27/10/2019				2019
	1070005	Lý thuyết Âm nhạc 1	MUS2008	3	280												1*MUS2008		
01	1070005				40	Nguyễn Thị Phương Mai	7-11, D3							19/08/2019	24/11/2019				2019
02	1070005				40	Nguyễn Thị Phương Mai				1-5, DNN				19/08/2019	24/11/2019				2019
03	1070005				40	Trần Thị Thanh Hương				7-11, D1				19/08/2019	24/11/2019				2019
04	1070005				40	Mai Linh Chi			1-5, D305					19/08/2019	24/11/2019				2019
05	1070005				40	Mai Linh Chi					7-11, DNN			19/08/2019	24/11/2019				2019
06	1070005				40	Ng. Thị Thu Trang		1-5, D405						19/08/2019	24/11/2019				2019
07	1070005				40	Ng. Thị Thu Trang		7-11, D305						19/08/2019	24/11/2019				2019
	1090022	Lý thuyết Âm nhạc 2	MUS2009	2	3												MUS2009		
01	1090022				1	.											Hoa bình TC		2019
02	1090022				1	.											đaklak TC		2019
03	1090022				1	.											Thai bình		2019
	1090077	Lý thuyết Âm nhạc tổng hợp	MUS2049	5	1												MUS2049		
01	1090077				1	...											Quoc oai		2017
	1090038	Lý thuyết Mỹ thuật tổng hợp		6	1														
01	1090038				1	...											Quoc oai MT		2017
	1080034	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	46												7_QLVH_M4		
01	1080034				45	Tráng Thị Thuý	7-11, E503							12/08/2019	20/10/2019	K10 QL			2016
02	1080034				1	Tráng Thị Thuý							7-11, Lop riêng			Lop riêng			2016
	1090097	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	11												CLM2035		
01	1090097				11	..											TC		2019
	1070006	Múa A	MUS2011*	0	160												1*MUS2011		
01	1070006				20	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							19/08/2019	01/12/2019				2019
02	1070006				20	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1070006				20	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607					19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1070006				20	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607					19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1070006				20	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1070006				20	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1070006				20	Phạm Ngọc Thùy		7-11, NA501						19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1070006				20	Phạm Ngọc Thùy		7-11, NA501						19/08/2019	01/12/2019				2019
	1070115	Múa và Phương pháp dạy múa cho trẻ em	MUS2045	3	25												MUS2045		
01	1070115				25	Ng.Th.Quỳnh Phương		7-11, E607						12/08/2019	24/11/2019				2017
	1060098	Mỹ học	FAE2072	2	189												2*		
01	1060098				45	Nguyễn Minh Tân					1-5, E506			30/09/2019	17/11/2019	K13 + K5 HH			2018
02	1060098				48	Nguyễn Minh Tân		7-11, C301						07/10/2019	24/11/2019	K10 DH			2018
03	1060098				48	Nguyễn Minh Tân				1-5, C301				07/10/2019	24/11/2019	K10 DH			2018
04	1060098				48	Nguyễn Minh Tân				7-11, C301				07/10/2019	24/11/2019	K10 DH			2018
	1090054	Mỹ học	MUS2002	2	2												MUS2002		
01	1090054				1	.											Hung yen		2018
02	1090054				1	.											Đà Nẵng 2018		2018
	1070046	Mỹ học (AN)	MUS2002	2	200												MUS2002		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070046				40									12/08/2019	29/09/2019				2016
02	1070046				40	Trần Vĩnh Khương					7-11, D2			12/08/2019	29/09/2019				2016
03	1070046				40	Lại Hồng Phong	7-11, D2							12/08/2019	29/09/2019				2016
04	1070046				40	Lại Hồng Phong			7-11, D1					12/08/2019	29/09/2019				2016
05	1070046				40	Lại Hồng Phong				7-11, D304				12/08/2019	29/09/2019				2016
	1060100	Mỹ thuật Sân khấu biểu diễn	F AE2090	2	99												2019		
01	1060100				94	Nguyễn Thị Huyền							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
02	1060100				1	Lưu Thị Hồng Diễm							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
03	1060100				1	Chu Thị Hương Thu							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
04	1060100				1	Nguyễn Thị Hà Hoa							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
05	1060100				1	Tạ Đình Thi							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
06	1060100				1	Lê Mai Trinh							1-5, BC			K11 MTLT Hmo			2019
	1020004	Mỹ thuật trang phục	F AD2008	2	1														
01	1020004				1	Lê Phương Anh							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1080042	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức HD tập thể	CLM2043	2	40												7_QLVH_M4_TC		
01	1080042				40	Ng.Thị Thanh Mai		7-11, E502						12/08/2019	03/11/2019	K10 QL +LT			2016
	1090098	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể	CLM2043	2	1												CLM2043		
01	1090098				1	..										TC+ CD			2019
	1070052	Nghệ thuật học đại cương	MUS2003	2	200												1*MUS2003		
01	1070052				40	Trần Vĩnh Khương				7-11, D2				12/08/2019	20/10/2019				2016
02	1070052				40	Lại Hồng Phong	1-5, D305							12/08/2019	20/10/2019				2016
03	1070052				40	Lại Hồng Phong		1-5, D305						12/08/2019	20/10/2019				2016
04	1070052				40	Lại Hồng Phong			1-5, D2					12/08/2019	20/10/2019				2016
05	1070052				40	Lại Hồng Phong					1-5, D2			12/08/2019	20/10/2019				2016
	1060021	Nghệ thuật học đại cương	F AE2070	2	341												4_SPMT_M3		
01	1060021				45	Nguyễn Thị Giang				1-5, E403				12/08/2019	20/10/2019	K13 + K5 HH			2018
02	1060021				35	Đào Thị Thuý Anh						1-5, E506		19/08/2019	13/10/2019	9			2019
03	1060021				35	Trần Thị Vân	1-5, E505							19/08/2019	13/10/2019				2019
04	1060021				35	Trần Thị Vân	7-11, E505							19/08/2019	13/10/2019				2019
05	1060021				35	Trần Thị Vân				1-5, E305				19/08/2019	13/10/2019				2019
06	1060021				39														2020
07	1060021				39														2020
08	1060021				39														2020
09	1060021				39														2020
	1090066	Nghệ thuật học đại cương	MUS2003	2	3												MUS2003		
01	1090066				1	.										hoa bình all			2019
02	1090066				1	.										daklak all			2019
03	1090066				1	.										Thai bình			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1080027	Nghệ thuật thực hành	CLM2024	4	48												chọn 1/5		
01	1080027				12	Nguyễn Đăng Nghị		1-11, E306 (Đàn)						12/08/2019	24/11/2019	K11 QL			2017
02	1080027				12	Lý Minh Huệ		1-11, E502 (Đàn)						12/08/2019	24/11/2019	K11 QL			2017
03	1080027				12	Phạm Ngọc Thùy		1-16, E507 (Múa)						12/08/2019	24/11/2019	Học sang và tôi			2017
04	1080027				12	Trần Thị Thảo						1-11, E507 (TN)		12/08/2019	24/11/2019	K11 QL			2017
	1090092	Nghệ thuật thực hành (1/5)	CLM2024	4	1												CLM2024		
01	1090092				1	..										TC+ CD			2019
	1060096	Nghiên cứu tác phẩm của các danh họa	FAE2046	2	22														
01	1060096				11	Nguyễn Quang Hải				1-5, B201	1-5, B201	1-5, B201		12/08/2019	29/09/2019	LT K10			2018
02	1060096				11	Tạ Đình Thi				1-5, B202	1-5, B202	1-5, B202		12/08/2019	29/09/2019	LT K10			2018
	1060059	Nghiên cứu và sao chép tranh sơn dầu cổ điển	FAE2019	2	32												FAE2019		
01	1060059				16	Chu Hoàng Trung				1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104		12/08/2019	29/09/2019	K11			2016
02	1060059				16	Lê Thị Kim Liên				1-5, B105	1-5, B105	1-5, B105		12/08/2019	29/09/2019	K11			2016
	1170011	Nguyên lý thị giác	GRD2006	4	150												5_TKDH_M3		
01	1170011				50	Nguyễn Thành Sơn	1-5, C302							12/08/2019	03/11/2019				2017
02	1170011				50	Nguyễn Thành Sơn		1-5, C302						12/08/2019	03/11/2019				2017
03	1170011				50	Nguyễn Thành Sơn				1-5, C302				12/08/2019	03/11/2019				2017
	1100006	Nhạc cụ 1	*IMU2001	1	1												2_span		
01	1100006				1	Ngô Thị Việt Anh							1-5, LR						2019
	1100066	Nhạc cụ 1A	IMU2001*	0	250												1_SPAN		
01	1100066				10	Lương Đức Giang	3-4, D101							19/08/2019	01/12/2019				2019
02	1100066				10	Ngô Thị Việt Anh	3-4, D108							19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1100066				10	Bá Sản	9-10, D102							19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1100066				10	Hà Tân Mùi	9-10, D107							19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1100066				10	Lương Đức Giang	9-10, D101							19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1100066				10	Đặng Thái Sơn		9-10, D108						19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1100066				10	Nguyễn Thị Thu Hương		9-10, C209						19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1100066				10	Ngô Thị Việt Anh			3-4, D103					19/08/2019	01/12/2019				2019
09	1100066				10	Nguyễn Nguyệt Cầm		1-2, D						19/08/2019	01/12/2019				2019
10	1100066				10	Đào Văn Thực				3-4, D108				19/08/2019	01/12/2019				2019
11	1100066				10	Đoàn Anh Vũ				3-4, D102				19/08/2019	01/12/2019				2019
12	1100066				10	Hà Tân Mùi				3-4, D107				19/08/2019	01/12/2019				2019
13	1100066				10	Lương Diệu Ánh				9-10, D108				19/08/2019	01/12/2019				2019
14	1100066				10	Vũ Ngọc Sơn				9-10, D208				19/08/2019	01/12/2019				2019
15	1100066				10	Bùi Thị Diệu Minh				9-10, D107				19/08/2019	01/12/2019				2019
16	1100066				10	Nguyễn Nguyệt Cầm		7-8, D						19/08/2019	01/12/2019	tra no			2019
17	1100066				10	Trần Bích Thủy					9-10, D107			19/08/2019	01/12/2019				2019
18	1100066				10	Lương Diệu Ánh					9-10, D102			19/08/2019	01/12/2019				2019
19	1100066				10	Vũ Ngọc Sơn				12-13, D208				26/08/2019		tra no			2019
20	1100066				10			12-13, D103						26/08/2019					2019
21	1100066				10	Nguyễn Thị Thu Hương						1-2, D101		26/08/2019					2019
22	1100066				10									26/08/2019					2019
23	1100066				10									26/08/2019					2019
24	1100066				10														2019
25	1100066				10														2019
	1100002	Nhạc cụ 2	*IMU2002	1	1												4_SPAN_M4		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1100002				1	Lương Diệu Ánh							1-5, LR						2015
	1100081	Nhạc cụ 2A	IMU1012*	0	1												3_CDAN		
01	1100081				1	Bùi Thị Diệu Minh					3-4, D107								2017
	1100069	Nhạc cụ 2A	IMU2002*	0	185												3_SPAN		
01	1100069				10	Bùi Thị Diệu Minh	3-4, D107							12/08/2019					2018
02	1100069				10	Đoàn Anh Vũ	3-4, D102							12/08/2019					2018
03	1100069				10	Bá Sắn		3-4, D203						12/08/2019					2018
04	1100069				10	Đoàn Anh Vũ		3-4, D102						12/08/2019					2018
05	1100069				10	Trần Bích Thủy		9-10, D107						12/08/2019					2018
06	1100069				0	Phạm Hồng Phương	3-4, VPK							12/08/2019		GT			2018
07	1100069				10	Đào văn Kiên			9-10, D103					12/08/2019					2018
08	1100069				10	Nguyễn Thị Thu Hương				3-4, D103				12/08/2019					2018
09	1100069				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D101						12/08/2019		GT			2018
10	1100069				0	Nguyễn Quang Tùng				9-10, C208				12/08/2019		GT			2018
11	1100069				10	Lương Đức Giang				9-10, D103				12/08/2019					2018
12	1100069				10	Cù Minh Giang					9-10, C203			12/08/2019					2018
13	1100069				10	Hà Tân Mùi					9-10, C108			12/08/2019					2018
24	1100069				5	Nguyễn Quang Tùng			12-13, C208					19/08/2019					2018
25	1100069				5	Nguyễn Thị Thu Hương						7-11, D101		19/08/2019					2018
26	1100069				5	Bùi Thị Diệu Minh						1-5, D102		19/08/2019					2018
27	1100069				5	Vũ Ngọc Sơn					7-8, D101			19/08/2019					2018
28	1100069				5	Đặng Thái Sơn				10-11, D				19/08/2019					2018
29	1100069				5														2018
30	1100069				5														2018
31	1100069				5														2018
32	1100069				5														2018
33	1100069				5														2018
34	1100069				5														2018
35	1100069				5														2018
36	1100069				5														2018
37	1100069				5														2018
38	1100069				5														2018
39	1100069				5														2018
40	1100069				5														2018
	1090034	Nhạc cụ 3	IMU1013	1	3												IMU1013		
01	1090034				1	.										hoa bình all			2019
02	1090034				1	.										daklak all			2019
03	1090034				1	.										Thai bình			2019
	1100072	Nhạc cụ 3A	VMI2013*	0	92												5_SPAN		
01	1100072				0	Bá Sắn		9-10, D203						12/08/2019					2017
02	1100072				0	Lương Đức Giang		9-10, D101						12/08/2019					2017
03	1100072				0	Lương Diệu Ánh			9-10, D203					12/08/2019					2017
04	1100072				0	Đặng Thái Sơn			9-10, D108					12/08/2019					2017
05	1100072				0	Trần Bích Thủy			9-10, D107					12/08/2019					2017
06	1100072				0	Nguyễn Nguyệt Cầm			9-10, D101					12/08/2019					2017
07	1100072				0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					12/08/2019					2017
08	1100072				0	Vũ Thanh Xuân			9-10, C209					12/08/2019					2017
09	1100072				0	Nguyễn Quang Tùng				3-4, D208				12/08/2019					2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
10	1100072				0	Bùi Thị Diệu Minh					3-4, D107			12/08/2019					2017
11	1100072				0	Hà Tân Mùi					3-4, D108			12/08/2019					2017
12	1100072				0	Lương Diệu Ánh					3-4, C210			12/08/2019					2017
13	1100072				0	Cù Minh Giang					3-4, D203			12/08/2019					2017
14	1100072				0	Đào Văn Thực			13-17, d107					12/08/2019					2017
15	1100072				0	Ngô Thị Việt Anh			13-17, NC		13-17, NC			12/08/2019					2017
16	1100072				0	Đặng Thái Sơn		13-17, NC		13-17, NC				12/08/2019					2017
17	1100072				12	Đào văn Kiên					9-10, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
18	1100072				5	Trần Bích Thủy						1-4, D107		19/08/2019					2019
19	1100072				5	Đoàn Anh Vũ						1-4, D102		19/08/2019					2019
20	1100072				5	Nguyễn Quang Tùng			12-13, d										2019
21	1100072				5														2019
22	1100072				5														2019
23	1100072				5														2019
24	1100072				5														2019
25	1100072				5														2019
26	1100072				5														2019
27	1100072				5														2019
28	1100072				5														2019
29	1100072				5														2019
30	1100072				5														2019
31	1100072				5														2019
32	1100072				5														2019
33	1100072				5														2019
	1100012	Nhạc cụ 4	VMI2014	1	15												SPAN		
01	1100012				0	Phạm Hồng Phương			12-13, Gta VPK					12/08/2019					2016
02	1100012				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		3-4, Gta D101						12/08/2019					2016
03	1100012				0	Nguyễn Quang Tùng		3-4, Gta C308						12/08/2019					2016
04	1100012				0	Trần Bích Thủy		3-4, C401						12/08/2019					2016
05	1100012				0	Nguyễn Thị Thu Hương		3-4, C410						12/08/2019					2016
06	1100012				0	Nguyễn Quang Tùng			3-4, Gta C308					12/08/2019					2016
07	1100012				0	Lương Diệu Ánh			3-4, D203					12/08/2019					2016
08	1100012				0	Nguyễn Nguyệt Cầm			3-4, Gta D107					12/08/2019					2016
09	1100012				0	Trần Bích Thủy			3-4, C411					12/08/2019					2016
10	1100012				0	Vũ Ngọc Sơn			3-4, D102					12/08/2019					2016
11	1100012				0	Vũ Ngọc Sơn			9-10, D102					12/08/2019					2016
12	1100012				0	Nguyễn Thị Thu Hương				9-10, D203				12/08/2019					2016
13	1100012				0	Đoàn Anh Vũ				9-10, C411				12/08/2019					2016
14	1100012				0	Đặng Thái Sơn			3-4, D101					12/08/2019					2016
15	1100012				0	Phạm Hồng Phương	3-4, Gta D101							12/08/2019					2016
16	1100012				0	Đoàn Anh Vũ		8-11, D						12/08/2019					2016
17	1100012				0	Đào văn Kiên							3-4, D103	12/08/2019					2018
18	1100012				0	Ngô Thị Việt Anh							3-4, D102	12/08/2019					2018
19	1100012				5	Đào văn Kiên						3-4, D103		19/08/2019					2016
20	1100012				5	Bá Sấn			12-13, D					19/08/2019					2016
21	1100012				5	Ngô Thị Việt Anh			7-11, D					19/08/2019					2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1090052	Nhạc cụ 4	VMI2041	1	1												VMI2041		
01	1090052				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
	1070103	Nhạc cụ tự chọn A	MUS2064*	0	143												2018		
01	1070103				12	Phạm Hồng Phương					1-5, Guita D103			12/08/2019					2018
02	1070103				12	Phạm Hồng Phương					7-11, Guita D103			12/08/2019					2018
03	1070103				12	Nguyễn Quang Tùng	1-5, D103 guita							12/08/2019					2018
04	1070103				12	Nguyễn Quang Tùng	7-11, D103 guita							12/08/2019					2018
05	1070103				12	Trần Quốc Thùy			1-5, D103 key					12/08/2019					2018
06	1070103				12	Nguyễn Nguyệt Cẩm							1-5, D	12/08/2019					2018
07	1070103				12	Trần Thị Bích Hồng				1-5, D				12/08/2019					2018
08	1070103				12	Nguyễn Thị Lệ Huyền	7-11, D101 Vio							12/08/2019					2018
09	1070103				12	Khuất Duy Nhã		1-5, C204 drum						12/08/2019					2018
10	1070103				12	Khuất Duy Nhã			7-11, C204 drum					12/08/2019					2018
11	1070103				12	Khuất Duy Nhã				7-11, C204 drum				12/08/2019					2018
12	1070103				10	Vũ Thanh Xuân						1-5, D							2018
13	1070103				1	Nguyễn Thị Lệ Huyền	12-13, D101 Vio												2018
	1080006	Nhân học văn hóa	CLM2002	2	45												5_QLVH_M2		
01	1080006				45	Nguyễn Hữu Thức	1-5, E502							12/08/2019	20/10/2019	K11 QL			2017
	1020021	Nhân trắc học may mặc	FAD2004	2	70														
01	1020021				35	Ngô Thị Thùy Thu	1-5, XM							19/08/2019	29/09/2019				2018
02	1020021				35	Ngô Thị Thùy Thu				7-11, A				19/08/2019	29/09/2019				2018
	1020011	Nhập môn Design	FAD2002	2	80														
01	1020011				40	Vũ Thanh Nghị		7-11, E						19/08/2019	27/10/2019				2016
02	1020011				40	Nguyễn Hải Hà				1-5, E				19/08/2019	27/10/2019				2016
	1200003	Nhập môn design	DGI2003	2	20														
01	1200003				20	Nguyễn Hải Hà	1-5, A							12/08/2019	20/10/2019				2017
	1070042	Nhập môn phức điệu	MUS2015	2	172												MUS2015		
01	1070042				40	Mai Linh Chi	7-11, D305							12/08/2019	06/10/2019				2017
02	1070042				40									12/08/2019	06/10/2019				2017
03	1070042				40	Nguyễn Khải		7-11, D405						12/08/2019	06/10/2019				2017
04	1070042				40	Nguyễn Khải				7-11, D405				12/08/2019	06/10/2019				2017
05	1070042				12											K11 LT			2019
	1090062	Nhập môn phức điệu	MUS2015	2	3												MUS2015		
01	1090062				1	.										Hung yen			2018
02	1090062				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
03	1090062				1	.										daklak TC			2019
	1130001	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	POL2001	2	1												1*NL1		
01	1130001				1	Phạm Ngọc Anh	13-17, e301	13-17, e301	13-17, e301	13-17, e301	13-17, e301								2019
	1090003	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	POL2001	2	3												POL2001		
01	1090003				1	.										Hoa bình TC			2019
02	1090003				1	.										daklak TC			2019
03	1090003				1	.										Thai bình			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1130002	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	POL2002	3	1												2* NL2		
01	1130002				1	Trịnh Anh Tuấn	13-17, e301	13-17, e301	13-17, e301	13-17, e301	13-17, e301								2019
	1090043	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	POL2002	3	3												POL2002		
01	1090043				1	.										Hoa binh TC			2019
02	1090043				1	.										daklak TC			2019
03	1090043				1	.										Thai binh			2019
	1170032	Phần mềm Inlustrator	GRD2029	2	196														
01	1170032				14	Nguyễn Duy Hùng		1-4, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
02	1170032				14	Tổng Việt Anh		1-4, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
03	1170032				14	Nguyễn Thanh Huyền		1-4, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
04	1170032				14			1-4, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
05	1170032				14	Lê Huy Thục		7-10, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
06	1170032				14	Nguyễn Duy Hùng		7-10, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
07	1170032				14	Nguyễn Xuân Giáp		7-10, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
08	1170032				14	Nguyễn Thanh Huyền		7-10, E406						12/08/2019	20/10/2019				2016
09	1170032				14	Nguyễn Duy Hùng					1-4, E406			12/08/2019	20/10/2019				2016
10	1170032				14	Tổng Việt Anh					1-4, E406			12/08/2019	20/10/2019				2016
11	1170032				14						1-4, E406			12/08/2019	20/10/2019				2016
12	1170032				14	Lê Huy Thục					7-10, E406			12/08/2019	20/10/2019				2016
13	1170032				14	Nguyễn Duy Hùng					7-10, E406			12/08/2019	20/10/2019				2016
14	1170032				14	Nguyễn Đỗ Long					7-10, E406			12/08/2019	20/10/2019				2016
	1070036	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2	173												5*MUS2025		
01	1070036				40	Phạm Thu Hường	1-5, DNN							12/08/2019	20/10/2019				2017
02	1070036				40						1-5, DNN			12/08/2019	20/10/2019				2017
03	1070036				40	Nguyễn Thành Vinh			1-5, D304					12/08/2019	20/10/2019				2017
04	1070036				40	Lương Minh Tân				1-5, D304				12/08/2019	20/10/2019				2017
05	1070036				1	Phạm Thu Hường							1-5, LR						2016
06	1070036				12											K11 LT			2019
	1090045	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2	13												MUS2025		
01	1090045				10	.										Hung yen			2018
02	1090045				1	.										Đà nẵng 2018			2018
03	1090045				1	.										Hoa binh TC			2019
04	1090045				1	.										daklak TC			2019
	1090063	Phân tích tác phẩm 3	MUS2026	2	1												MUS2026		
01	1090063				1	.										Đà nẵng 2018			2018
	1080082	Phân tích tác phẩm văn học (Kịch + Điện ảnh)	CLM2087	4	12														
01	1080082				12	Hà Thị Thu Hà					1-5, E			12/08/2019	24/11/2019	DVK -2			2016
	1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	240												1* Chung DH&CD		
01	1130007				40	Lê Thị Nguyên			7-11, E501					12/08/2019	06/10/2019				2018
02	1130007				40	Lê Thị Nguyên				7-11, E506				12/08/2019	06/10/2019				2018
03	1130007				40	Lê Thị Nguyên					7-11, E502			12/08/2019	06/10/2019				2018
04	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà	1-5, E501							12/08/2019	06/10/2019				2018
05	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà		1-5, E301						12/08/2019	06/10/2019				2018
06	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà			1-5, E506					12/08/2019	06/10/2019				2018
	1100097	Phát âm tiếng Ý và một số ngôn ngữ khác	VMU2021	3	60												2017		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1100097				30	Trần Mai Tuyết		7-11, D2						19/08/2019	01/12/2019				2019
02	1100097				30	Trần Mai Tuyết					7-11, E305			19/08/2019	01/12/2019				2019
	1100047	Phát âm tiếng ý, Đức, Nga và một số ngôn ngữ khác	VMU2012	4	1												5_TN_M4		
01	1100047				1	Trần Mai Tuyết		7-11, D2						19/08/2019					2016
	1080028	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	CLM2029	4	48												5_QLVH_M4		
01	1080028				12	Trần Vĩnh Khương					1-5, NA501			12/08/2019	17/11/2019	K10 QL			2016
02	1080028				12	Ng.Thị Thanh Mai					7-11, NA501			12/08/2019	17/11/2019	K10 QL			2016
03	1080028				12	Lý Minh Huệ				1-5, NA501				12/08/2019	17/11/2019	K10 QL			2016
04	1080028				12	Phạm Ngọc Thùy				7-11, NA501				12/08/2019	17/11/2019	K10 QL			2016
	1070032	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	MUS2031	2	1												4*MUS2031		
01	1070032				1	Đoàn Thị Thu Hà							7-11, LR						2016
	1090115	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2065	3	3														
01	1090115				1	.										hoa bình all			2019
02	1090115				1	.										daklak all			2019
03	1090115				1	.										Thai bình			2019
	1090020	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2032	2	1												MUS2032		
01	1090020				1	.										Đà Nẵng 2018			2018
	1060028	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1	FAE2068	2	45												5_SPMT_M4		
01	1060028				45	Trần Thị Vân					1-5, E506			12/08/2019	29/09/2019	K13 + HH			2018
	1110067	Phương pháp dạy học Mỹ thuật MN	BFA2040	2	1												3*		
01	1110067				1	Đào Thị Thuý Anh							7-11, LR						2016
	1190028	Phương pháp dạy học Piano	PIA2017	2	30														
01	1190028				30	Nguyễn Ngọc Anh	7-11, D4							12/08/2019					2017
	1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	292												1* Dang dung		
01	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết	7-11, E502							12/08/2019	06/10/2019	K12 SPAN			2017
02	1140019				40	Nguyễn Mai Hương			7-11, E505					12/08/2019	06/10/2019	K12 SPAN			2017
03	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết				7-11, E507				12/08/2019	06/10/2019	K12 SPMT			2017
04	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết					7-11, E505			12/08/2019	06/10/2019	K12 SPAN			2017
05	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết		1-5, E501						12/08/2019	06/10/2019	K12 SPAN			2017
06	1140019				40	Nguyễn Mai Hương			1-5, E507					12/08/2019	06/10/2019	K12 SPAN			2017
07	1140019				40	Nguyễn Mai Hương				1-5, E507				12/08/2019	06/10/2019	K12 SPAN			2017
08	1140019				12											K11 AN LT			2019
	1090065	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	2												PPE2008		
01	1090065				1	..										nghe an 79			2019
02	1090065				1	.										daklak all			2019
	1090138	Phương pháp nghiên cứu văn hóa	CLM2036	2	1														
01	1090138				1	..										TC+ CD			2019
	1080083	Phương pháp sân khấu truyền thống	CLM2056	2	14												DVK		
01	1080083				14	Ng.Thuý Hường								12/08/2019	03/11/2019				2018
	1110066	Phương pháp tổ chức tạo hình cho trẻ em	BFA2037	2	10												3*		
01	1110066				10	Nguyễn Thị Giang					1-5, C301			12/08/2019	29/09/2019	K3MN			2016
	1100064	Piano 1.1	PIA2023	1	63												Dang dung		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1100064				5	Vũ Thùy Linh	7-11, C308							19/08/2019	01/12/2019				2019
02	1100064				5	Vũ Thùy Linh					1-6, C308			19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1100064				5	Hoàng Thị Trà Mi					7-11, D201			19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1100064				5	Vũ Thanh Xuân		1-6, C309						19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1100064				5	Lương Diệu Ánh	1-5, C309							19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1100064				5	Ngô Thị Việt Anh					1-6, C309			19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1100064				5	Trần Hoài Sơn	7-11, D203							19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1100064				5	Trần Hoài Sơn		1-6, D203						19/08/2019	01/12/2019				2019
09	1100064				5	Nguyễn Thanh Hải					7-11, C308			19/08/2019	01/12/2019				2019
10	1100064				5	Hoàng Thị Trà Mi					1-6, D201			19/08/2019	01/12/2019				2019
11	1100064				5	Mai Linh Chi			7-11, D201					19/08/2019	01/12/2019				2019
12	1100064				5	Dương Vũ Bình Minh		7-11, C309						19/08/2019	01/12/2019				2019
13	1100064				1	Lương Diệu Ánh						7-8, D		19/08/2019					2019
14	1100064				1	Dương Vũ Bình Minh		1-5, D						19/08/2019					2019
15	1100064				1														2019
	1100065	Piano 1.2	PIA2023	1	12												Dang dung		
01	1100065				2	Hoàng Thị Trà Mi					7-11, D201			19/08/2019					2016
02	1100065				2	Hoàng Thị Trà Mi				3-4, D				19/08/2019					2016
03	1100065				2	Trần Hoài Sơn			3-4, D					19/08/2019					2015
04	1100065				2									19/08/2019					2015
05	1100065				2									19/08/2019					2015
06	1100065				2									19/08/2019					2015
	1100085	Piano 2.1	PIA2024	1	1												Dang dung		
01	1100085				1	Trần Hoài Sơn			7-11, D207										2018
02	1100085				0	Dương Vũ Bình Minh	2-6, C309							12/08/2019					2018
03	1100085				0	Mai Trần Hoàn	7-11, C309							12/08/2019					2018
04	1100085				0	Lương Diệu Ánh				2-6, D203				12/08/2019					2018
05	1100085				0	Ngô Thị Việt Anh	7-11, D207							12/08/2019					2018
06	1100085				0	Ngô Thị Việt Anh		7-11, D208						12/08/2019					2018
07	1100085				0									12/08/2019					2018
08	1100085				0	Nguyễn Thanh Hải					1-6, C309			12/08/2019					2018
09	1100085				0	Vũ Thanh Xuân		2-6, C308						12/08/2019					2018
10	1100085				0	Nguyễn Thanh Hải			2-6, D208					12/08/2019					2018
11	1100085				0	Hoàng Thị Trà Mi			2-6, D202					12/08/2019					2018
12	1100085				0	Hoàng Thị Trà Mi			7-11, D207					12/08/2019					2018
13	1100085				0	Trần Hoài Sơn			2-5, D207					12/08/2019					2018
	1190001	Piano CN 1.1	PIA2003	2	50														
01	1190001				1	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D			12/08/2019					2018
02	1190001				5	Đinh Công Hải	10-12, D201			7-9, D201				19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1190001				5	Hà Cẩm Vân	3-5, D202			3-5, D202				19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1190001				5	Lê Nam				11-12, D207		11-12, D207		19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1190001				5	Nguyễn Ngọc Anh		2-5, D201		7-11, D208				19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1190001				5	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-10, D208			7-10, D207			19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1190001				5	Đinh Thu Hương		3-5, NHVK		3-5, NHVK				19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1190001				5	Bùi Đăng Khánh	4-5, HVAN			4-5, HVAN				19/08/2019	01/12/2019				2019
09	1190001				5	Đoàn Lê Phan Anh		2-5, E306			2-5, E306			19/08/2019	01/12/2019				2019
10	1190001				5	Phạm Hoàng Lê	2-5, E306			2-5, E306				19/08/2019	01/12/2019				2019
11	1190001				1	Nguyễn Thị Hiền Anh		2-5, D201		7-11, D208				19/08/2019					2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
12	1190001				1	Lại Thị Phương Thảo	13-17, E306			13-17, E306						Bo sung			2019
13	1190001				1														2019
14	1190001				1														2019
	1190003	Piano CN 2.1	PIA2004	2	2														
01	1190003				0	Đinh Công Hải	4-6, D201			4-6, D201				12/08/2019					2018
02	1190003				0	Nguyễn Ngọc Anh	5-6, D208			5-6, D208				12/08/2019					2018
03	1190003				0	Lê Nam				10-11, D207		10-11, D207		12/08/2019					2018
04	1190003				0	Lê Nam		10-12, D207				7-9, D207		12/08/2019					2018
05	1190003				0	Hà Cẩm Vân	9-12, D202			9-12, D202				12/08/2019					2018
06	1190003				0	Đinh Thu Hương		3-6, NH VK		8-10, NH VK				12/08/2019					2018
07	1190003				1	Nguyễn Thị Hiền Anh					1-2, D								2018
08	1190003				1														2018
09	1190003				0	Trần Hà Mi		7-8, D202			7-8, D202			12/08/2019					2018
10	1190003				0	Bùi Đăng Khánh	3-4, hvan			3-4, hvan				12/08/2019					2018
	1190004	Piano CN 2.2	PIA2004	2	1														
01	1190004				1	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D			5-6, D208				12/08/2019					2017
	1190005	Piano CN 3.1	PIA2005	2	2														
01	1190005				0	Đinh Công Hải	3-4, D201			3-4, D201				12/08/2019					2017
02	1190005				2	Lại Thị Phương Thảo		13-17, D201			13-17, D201								2017
03	1190005				0	Nguyễn Ngọc Anh	4-5, D208			5-6, D208				12/08/2019					2017
04	1190005				0	Lê Nam		7-9, D207		7-9, D207				12/08/2019					2017
05	1190005				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		2-6, D207			2-6, D207			12/08/2019					2017
06	1190005				0	Hà Cẩm Vân	7-8, D202			7-8, D202				12/08/2019					2017
08	1190005				0	Nguyễn Thị Hiền Anh			7-9, D208		1-3, D208			12/08/2019					2017
11	1190005				0	Chu Ngân Hà		7-8, HVAN			7-8, HVAN			12/08/2019					2017
12	1190005				0	Trần Hà Mi		1-4, D202			1-4, D202			12/08/2019					2017
	1190006	Piano CN 3.2	PIA2005	2	1														
01	1190006				1	Nguyễn Ngọc Anh	1-4, D202			1-4, D202									2016
	1190007	Piano CN 4.1	PIA2006	2	5														
01	1190007				0	Đinh Công Hải	2-3, D201			2-3, D201				12/08/2019					2016
02	1190007				1	Nguyễn Ngọc Anh	2-3, D201			2-3, D201									2016
03	1190007				1	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D								2016
04	1190007				0	Lê Hải Thuận	4-5, D4			4-5, D4				12/08/2019					2016
05	1190007				0	Lê Nam		7-8, D207		7-8, D207				12/08/2019					2016
06	1190007				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		5-6, D208			5-6, D208			12/08/2019					2016
07	1190007				0	Bùi Đăng Khánh	3-6, HVAN			3-6, HVAN				12/08/2019					2016
08	1190007				0	Hà Cẩm Vân	7-8, D202			7-8, D202				12/08/2019					2016
09	1190007				1	Nghiêm Thị Hà Ngân		4-5, D4			4-5, D4			12/08/2019					2016
10	1190007				1	Chu Ngân Hà		4-5, D			4-5, D								2016
11	1190007				1	Lại Thị Phương Thảo			13-17, D			13-17, D				Bo sung			2016
	1090139	Quản lý di sản văn hóa	CLM2020	4	3														
01	1090139				3	..										TC			2019
	1080023	Quản lý di sản văn hóa	CLM2020	4	45												6_QLVH_M4		
01	1080023				45	Vũ Thị Thái Hoa	7-11, E405							12/08/2019	17/11/2019	K11 QL			2017
	1080037	Quản lý dự án văn hóa	CLM2038	2	45												7_QLVH_M4		
01	1080037				45	Nguyễn Thị Phương Thanh						7-11, E503		12/08/2019	03/11/2019	K10 QL			2016
	1090071	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	PPE2003	2	1												PPE2003		
01	1090071				1											Đã năng			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1090071				1	..										2018			2018
	1090140	Quản lý hoạt động biểu diễn	CLM2023	2	11														
01	1090140				11	..										TC			2019
	1080026	Quản lý hoạt động biểu diễn	CLM2023	2	45												4_QLVH_M4		
01	1080026				45	Lý Minh Huệ					1-5, E503			12/08/2019	20/10/2019	K11 QL			2017
	1080020	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 1	CLM2017	3	80												3_QLVH_M4		
01	1080020				40					7-11, E503				12/08/2019	17/11/2019	K12QL			2018
02	1080020				40	Nông Thị Thanh Thuý				1-5, E503				12/08/2019	17/11/2019	K12QL			2018
	1090099	Quản lý thiết chế về các hoạt động văn hóa 1	CLM2053	2	1												CLM2053		
01	1090099				1	..										TC			2019
	1090100	Quản lý thiết chế về các hoạt động văn hóa 2	CLM2054	2	1												CLM2054		
01	1090100				1	..										TC			2019
	1080024	Quản lý văn hóa du lịch	CLM2021	2	45												6_QLVH_M4		
01	1080024				45	Nguyễn Thị Thanh Loan							1-5, E501	12/08/2019	20/10/2019	K11 QL			2017
	1140016	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	PPE2028	3	210												3* RL 2018		
01	1140016				35									12/08/2019	03/11/2019	K13 SPAN			2018
02	1140016				35	Nguyễn Thị Duyên		1-5, E507						12/08/2019	03/11/2019	K13 SPAN			2018
03	1140016				35	Lương Thị Thanh Hải		7-11, E507						12/08/2019	03/11/2019	K13 SPAN			2018
04	1140016				35	Lương Thị Thanh Hải			7-11, E507					12/08/2019	03/11/2019	K13 SPAN			2018
05	1140016				35	Lương Thị Thanh Hải					7-11, E507			12/08/2019	03/11/2019	K13 SPMt			2018
06	1140016				35	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				1-5, E501				12/08/2019	03/11/2019	K13 SPAN			2018
	1140020	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	PPE2009	2	4												4*		
01	1140020				1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				1-5, E501				12/08/2019		Ghép khóa 2017			2017
02	1140020				1	Lương Thị Thanh Hải			7-11, E507					12/08/2019		Ghép khóa 2017			2017
03	1140020				1	Nguyễn Thị Duyên		1-5, E507						12/08/2019					2017
04	1140020				1	Lương Thị Thanh Hải					7-11, E507			12/08/2019					2017
	1070047	Sáng tác	MUS2012	2	200												MUS2012		
01	1070047				40	Lại Hồng Phong				1-5, D2				12/08/2019	20/10/2019				2016
02	1070047				40									12/08/2019	20/10/2019				2016
03	1070047				40									12/08/2019	20/10/2019				2016
04	1070047				40	Nguyễn Đăng Nghị			7-11, D305					12/08/2019	20/10/2019				2016
05	1070047				40	Nguyễn Thành Vinh		7-11, D304						12/08/2019	20/10/2019				2016
	1020013	Sáng tác mẫu vải	FAD2019	2	90														
01	1020013				15	Ngô Thị Thu Hà				1-5, E				19/08/2019	27/10/2019				2016
02	1020013				15	Trần Thị Liên					1-5, E			19/08/2019	27/10/2019				2016
03	1020013				15	Lê Phương Anh		7-11, E						19/08/2019	27/10/2019				2016
04	1020013				15	Trần Việt Hùng		7-11, E						19/08/2019	27/10/2019				2016
05	1020013				15	Tô Kim Nhung					1-5, E			19/08/2019	27/10/2019				2016
06	1020013				15	Bùi Thị Nam				1-5, E				19/08/2019	27/10/2019				2016
	1090037	Sáng tác Mỹ thuật	FAE2020	6	1												FAE2020		
01	1090037				1	...										Quoc oai MT			2017
	1170004	Sáng tác thiết kế 1	GRD2023	3	144												1_TKDH_M4		
01	1170004				12	Nguyễn Quang Huy	7-9, E601		7-9, E601					03/09/2019	01/12/2019	1			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1170004				12	Nguyễn Mai Thơ	7-9, E601		7-9, E601					03/09/2019	01/12/2019	1			2019
03	1170004				12	Nông Thị Thu Trang	7-9, E601		7-9, E601					03/09/2019	01/12/2019	1			2019
04	1170004				12	Phạm Minh Phong	7-9, E601		7-9, E601					03/09/2019	01/12/2019	1			2019
05	1170004				12	Nông Thị Thu Trang	7-9, E601		7-9, E601					26/08/2019	01/12/2019	2			2019
06	1170004				12	Nguyễn Mai Thơ	7-9, E601		7-9, E601					26/08/2019	01/12/2019	2			2019
07	1170004				12	Phạm Minh Phong	7-9, E601		7-9, E601					26/08/2019	01/12/2019	2			2019
08	1170004				12	Nguyễn Quang Huy	7-9, E601		7-9, E601					26/08/2019	01/12/2019	2			2019
09	1170004				12	Phạm Minh Phong				7-9, E601		7-9, E601		29/08/2019	01/12/2019				2019
10	1170004				12	Nông Thị Thu Trang				7-9, E601		7-9, E601		29/08/2019	01/12/2019				2019
11	1170004				12	Nguyễn Quang Huy				7-9, E601		7-9, E601		29/08/2019	01/12/2019				2019
12	1170004				12	Nguyễn Thị Mỹ				7-9, E601		7-9, E601		29/08/2019	01/12/2019				2019
	1170028	Sáng tác thiết kế 3	GRD2025	3	153												3_TKĐH_TH		
01	1170028				17	Nguyễn Đức Lân	3-4, E601		3-4, E601					19/08/2019	24/11/2019				2018
02	1170028				17	Phạm Minh Phong	3-4, E601		3-4, E601					19/08/2019	24/11/2019				2018
03	1170028				17	Nguyễn Mai Thơ	3-4, E601		3-4, E601					19/08/2019	24/11/2019				2018
04	1170028				17	Nguyễn Đức Lân	1-2, E601		1-2, E601					12/08/2019	24/11/2019				2018
05	1170028				17	Nông Thị Thu Trang	1-2, E601		1-2, E601					12/08/2019	24/11/2019				2018
06	1170028				17	Nguyễn Mai Thơ	1-2, E601		1-2, E601					12/08/2019	24/11/2019				2018
07	1170028				17	Nguyễn Đức Lân				3-4, E601		3-4, E601		19/08/2019	24/11/2019				2018
08	1170028				17					3-4, E601		3-4, E601		19/08/2019	24/11/2019				2018
09	1170028				17	Nguyễn Hồng Sơn				3-4, E601		3-4, E601		19/08/2019	24/11/2019				2018
	1170050	Sáng tác thiết kế 5	GRD2045	3	140														
01	1170050				14	Nguyễn Trần Thế Hiệp	10-11, E602		10-11, E602					19/08/2019	20/10/2019				2017
02	1170050				14	Nguyễn Thị Hải Yến	10-11, E602		10-11, E602					19/08/2019	20/10/2019				2017
03	1170050				14	Nguyễn Lê Mai	10-11, E602		10-11, E602					19/08/2019	20/10/2019				2017
04	1170050				14	Ng.Hoài Phương Anh	10-11, E602		10-11, E602					19/08/2019	20/10/2019				2017
05	1170050				14	Phạm Phương Linh	7-9, E602		7-9, E602					12/08/2019	20/10/2019				2017
06	1170050				14	Vũ Minh Hoàng	7-9, E602		7-9, E602					12/08/2019	20/10/2019				2017
07	1170050				14	Dương Thị Vân	7-9, E602		7-9, E602					12/08/2019	20/10/2019				2017
08	1170050				14	Nguyễn Văn Hiến				7-9, E602		7-9, E602		22/08/2019	20/10/2019				2017
09	1170050				14					7-9, E602		7-9, E602		22/08/2019	20/10/2019				2017
10	1170050				14	Nguyễn Quang Huy				7-9, E602		7-9, E602		22/08/2019	20/10/2019				2017
	1170030	Sáng tác thiết kế 5	GRD2027	4	30												7_TKĐH_TH		
01	1170030				15	Lò Mai Trang				7-9, E602		7-9, E602		22/08/2019	20/10/2019				2017
02	1170030				15	Ng.Hoài Phương Anh	10-11, E602		10-11, E602					19/08/2019	20/10/2019				2017
	1140028	Sinh lý học trẻ em	PPE2012	2	8												1*		
01	1140028				8	Đỗ Ánh Tuyết			7-11, E403					30/09/2019	01/12/2019				2017
	1140001	Tâm lý học	PPE2001	3	195												1*		
01	1140001				35	Nguyễn Thị Duyên			7-11, D405					26/08/2019	24/11/2019	AN\			2019
02	1140001				35	Nguyễn Mai Hương	1-5, D405							26/08/2019	24/11/2019	AN			2019
03	1140001				35	Nguyễn Mai Hương	7-11, D405							26/08/2019	24/11/2019	An			2019
04	1140001				35	Lương Thị Thanh Hải				7-11, E405				26/08/2019	24/11/2019	An			2019
05	1140001				35	Đỗ Ánh Tuyết						7-11, E403		26/08/2019	24/11/2019	MT			2019
06	1140001				10	Lương Thị Thanh Hải							7-11, ANMT TC			AN MT TC K3			2019
07	1140001				10														2019
	1090047	Tâm lý học	PPE2001	3	2												PPE2001		
01	1090047				1	.										Hoa bình TC			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1090047				1	.										daklak TC			2019
	1140009	Tâm lý học đại cương	PPE2007	2	81												1* 3_TAMLY_TK TT		
01	1140009				40	Nguyễn Hương Giang		7-11, E305						12/08/2019	29/09/2019	K12 TKTT			2018
02	1140009				40	Nguyễn Hương Giang					1-5, E507			12/08/2019	29/09/2019	K12 TKTT			2018
03	1140009				1	Nguyễn Quỳnh Trang							7-11, LR			Lop riêng			2016
	1140033	Tâm lý học quản lý văn hóa nghệ thuật	PPE2006	3	40												1* PPE2006_2014		
01	1140033				40	Nguyễn Quỳnh Trang			7-11, E301					12/08/2019	10/11/2019				2018
	1140010	Tâm lý học tiêu dùng	PPE2005	2	144												2* PPE2005		
01	1140010				48	Nguyễn Quỳnh Trang		7-11, E503						12/08/2019	06/10/2019	K8 DH			2018
02	1140010				48	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E301				12/08/2019	06/10/2019	K8 DH			2018
03	1140010				48	Nguyễn Quỳnh Trang				7-11, E305				12/08/2019	06/10/2019	K8 DH			2018
	1200015	Tạo khối trang phục	DGI2015	2	8														
01	1200015				8	Nguyễn Hải Hà				1-5, A204				12/08/2019	20/10/2019				2018
	1020028	Tạo mẫu trang phục 1	FAD2024	3	90														
01	1020028				15					7-11, E				19/08/2019	24/11/2019				2018
02	1020028				15	Ng.Thị Minh Ngọc				7-11, E				19/08/2019	24/11/2019				2018
03	1020028				15	Lê Thị Hồng Quyên			7-11, E					19/08/2019	24/11/2019				2018
04	1020028				15	Lê Nguyễn Kiều Trang				7-11, E				19/08/2019	24/11/2019				2018
05	1020028				15	Đỗ Thu Huyền				7-11, E				19/08/2019	24/11/2019				2018
06	1020028				15					7-11, E				19/08/2019	24/11/2019				2018
	1020030	Tạo mẫu trang phục 3	FAD2026	3	75														
01	1020030				15	Hoàng Thị Oanh	7-11, E							19/08/2019	24/11/2019				2017
02	1020030				15						1-5, E			19/08/2019	24/11/2019				2017
03	1020030				15	Lê Phương Anh	7-11, E							19/08/2019	24/11/2019				2017
04	1020030				15	Trần Việt Hùng	7-11, E							19/08/2019	24/11/2019				2017
05	1020030				15						1-5, E			19/08/2019	24/11/2019				2017
	1020014	Tạo mẫu trang phục 5	FAD2028	3	90														
01	1020014				15	Hoàng Thị Oanh					7-11, E			19/08/2019	24/11/2019				2016
02	1020014				15	Lưu Ngọc Lan	7-11, A303							19/08/2019	24/11/2019				2016
03	1020014				15	Nguyễn Huyền Trang	7-11, A303							19/08/2019	24/11/2019				2016
04	1020014				15	Lê Thị Hồng Quyên	7-11, E							19/08/2019	24/11/2019				2016
05	1020014				15	Lê Phương Anh					7-11, E			19/08/2019	24/11/2019				2016
06	1020014				15	Trần Việt Hùng					7-11, E			19/08/2019	24/11/2019				2016
	1170015	Thẩm mỹ công nghiệp	GRD2010	2	192												_TKDH_M3_T C		
01	1170015				48	Quách Thị Ngọc An				1-5, E602				12/08/2019	06/10/2019				2016
02	1170015				48	Quách Thị Ngọc An				7-11, E602				12/08/2019	06/10/2019				2016
03	1170015				48	Quách Thị Ngọc An						1-5, E602		12/08/2019	06/10/2019				2016
04	1170015				48	Quách Thị Ngọc An						7-11, E602		12/08/2019	06/10/2019				2016
	1100094	Thanh nhạc 1.1	VMU2004	1	60												2017		
01	1100094				5	Trần Mai Tuyết	7-11, D				7-11, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
02	1100094				1	Đỗ Hương Giang				1-2, D		1-2, D		19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1100094				4	Đặng Thị Loan		7-11, D		7-11, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
04	1100094				5	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
05	1100094				2	Giáp Văn Thịnh	1-2, D				7-8, D			19/08/2019	01/12/2019				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1100094				2	Chu Thị Hoài Phương		7-8, D		1-2, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1100094				1	Chu Thị Hoài Phương		1-2, D		7-8, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1100094				4	Lê Thị Tình			1-5, D		1-5, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
09	1100094				4	Lê Thị Út	1-2, D		1-2, D					19/08/2019	01/12/2019				2019
10	1100094				5	Lê Minh Tuyền	7-8, D			7-8, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
11	1100094				5	Nguyễn Mai Hương		1-2, D			1-2, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
12	1100094				2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D			7-8, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
13	1100094				3	Trịnh Thị Oanh		1-2, D			1-2, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
14	1100094				5	Trần Thị Thanh Quý		7-8, D			1-2, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
15	1100094				2	Đoàn Thúy Trang	1-2, D			7-8, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
16	1100094				3	Nguyễn Thị Nga		7-8, D			7-8, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
17	1100094				1	Nguyễn Chí Công	1-2, D		1-2, D					19/08/2019	01/12/2019				2019
18	1100094				3	Phan Thu Lan			7-8, D		1-2, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
19	1100094				2		1-2, D			1-2, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
20	1100094				1	Đào Tiến Lợi			1-2, D		1-2, D			19/08/2019	01/12/2019				2019
21	1100094				0	Đàm Minh Hưng	1-2, D		1-2, D					19/08/2019	01/12/2019				2019
22	1100094				0	Nguyễn Thanh Duyên	7-8, D			7-8, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
23	1100094				0	Bùi Thanh Tuyền		1-2, D	7-8, D					19/08/2019	01/12/2019				2019
24	1100094				0	Kim Ieo Wou		1-2, D		1-2, D				19/08/2019	01/12/2019				2019
25	1100094				0									19/08/2019	01/12/2019				2019
	1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1	1												2_ Thanh nhạc		
01	1100063				1	Lê Minh Tuyền	1-2, D			1-2, D				19/08/2019					2017
	1100044	Thanh nhạc 1A	VMU2002*	0	176												1_SPAN		
01	1100044				8	Trần Thị Thảo		1-2, D307						19/08/2019	01/12/2019				2019
02	1100044				8	Đào Thị Khánh Chi				1-2, C307				19/08/2019	01/12/2019				2019
03	1100044				9	Ngân Thị Thương		7-8, D303						19/08/2019	01/12/2019	nv			2019
04	1100044				10	Ngô Quốc Khánh	7-8, D302							19/08/2019	01/12/2019	nc			2019
05	1100044				8	Nguyễn Chí Công				7-8, D301				19/08/2019	01/12/2019				2019
06	1100044				9	Hoàng Quốc Tuấn				1-2, D401				19/08/2019	01/12/2019				2019
07	1100044				8	Đàm Minh Hưng		1-2, D302						19/08/2019	01/12/2019				2019
08	1100044				8	Trần Tân Phương		7-8, C411						19/08/2019	01/12/2019				2019
09	1100044				8	Phạm Thị Thu Trang		1-2, C409						19/08/2019	01/12/2019				2019
10	1100044				8	Vũ Thanh Thủy		1-2, C411						19/08/2019	01/12/2019				2019
11	1100044				8	Vũ Thanh Thủy				7-8, C411				19/08/2019	01/12/2019				2019
12	1100044				11	Nguyễn Thúy Hà				1-2, C409				19/08/2019	01/12/2019				2019
13	1100044				8	Hà Thị Lý				1-2, C411				19/08/2019	01/12/2019				2019
14	1100044				8	Hà Thị Lý		7-8, C408						19/08/2019	01/12/2019				2019
15	1100044				10	Bùi Thanh Tuyền		7-8, C412						19/08/2019	01/12/2019	nc			2019
16	1100044				10	Bùi Thanh Tuyền				7-8, C412				19/08/2019	01/12/2019				2019
17	1100044				10	Nguyễn Thanh Duyên				1-2, C412				19/08/2019	01/12/2019				2019
18	1100044				9	Phạm Bích Ngọc	7-8, C307							19/08/2019	01/12/2019	nc			2019
19	1100044				10	Đinh Thị Hải Yến	7-8, C410							19/08/2019	01/12/2019	nc			2019
20	1100044				8	Nguyễn Thu Hằng				7-8, E307				19/08/2019	01/12/2019				2019
21	1100044				0	Trần Mai Tuyết							7-8, NC	19/08/2019	01/12/2019	Nang cao			2019
22	1100044				0									19/08/2019	01/12/2019				2019
23	1100044				0									19/08/2019	01/12/2019				2019
24	1100044				0									19/08/2019	01/12/2019				2019
25	1100044				0									19/08/2019	01/12/2019				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1100067	Thanh nhạc 2 A	VMU2003*	0	170												3_SPAN		
01	1100067				9	Đào Tiến Lợi	1-2, D							12/08/2019					2018
02	1100067				9	Nguyễn Chí Công	7-8, D							12/08/2019					2018
03	1100067				5	Bùi Thanh Tuyền			11-12, D										2018
04	1100067				1														2018
05	1100067				9	Ngân Thị Thương			11-12, D					12/08/2019					2018
06	1100067				9	Phạm Thị Thu Trang		7-8, D						12/08/2019					2018
07	1100067				1	Đinh Thị Hải Yến			13-14, D					12/08/2019					2018
08	1100067				9	Ngân Thị Thương			7-8, D					12/08/2019					2018
09	1100067				9	Nguyễn Thị Huyền			7-8, D					12/08/2019					2018
10	1100067				9	Bùi Thanh Tuyền			7-8, D					12/08/2019					2018
11	1100067				9	Đinh Thị Hải Yến			7-8, D					12/08/2019					2018
12	1100067				9	Trần Thị Thảo				7-8, D				12/08/2019					2018
13	1100067				9	Đào Thị Khánh Chi				7-8, D				12/08/2019					2018
14	1100067				9	Nguyễn Thúy Hà				7-8, D				12/08/2019					2018
15	1100067				9	Đặng Thị Lan				7-8, D				12/08/2019					2018
16	1100067				9	Vũ Thanh Thùy	1-2, D							12/08/2019					2018
17	1100067				9	Ngô Quốc Khánh				7-8, D				12/08/2019					2018
18	1100067				9	Trần Tân Phương					7-8, D			12/08/2019					2018
19	1100067				9	Hà Thị Lý				7-8, D				12/08/2019					2018
20	1100067				9	Nguyễn Thanh Duyên					7-8, D			12/08/2019					2018
21	1100067				9	Phạm Bích Ngọc					7-8, D			12/08/2019					2018
22	1100067				1	Trần Mai Tuyết							7-8, NC			Nang cao			2018
	1100040	Thanh nhạc 2.1	VMU2005	1	2												DH TN		
01	1100040				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		1-2, D					12/08/2019					2018
02	1100040				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D		1-2, D					12/08/2019					2018
03	1100040				0	Đặng Thị Loan	7-8, D		7-8, D					12/08/2019					2018
04	1100040				0	Chu Thị Hoài Phương		7-8, D		1-2, D				12/08/2019					2018
05	1100040				0	Lê Thị Út		1-2, D		1-2, D				12/08/2019					2018
06	1100040				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D			1-2, D				12/08/2019					2018
07	1100040				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				12/08/2019					2018
08	1100040				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D			1-2, D				12/08/2019					2018
09	1100040				0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					12/08/2019					2018
10	1100040				0	Trần Thị Thanh Quý		7-8, D			7-8, D			12/08/2019					2018
11	1100040				0	Đoàn Thủy Trang	7-8, D			1-2, D				12/08/2019					2018
12	1100040				0	Nguyễn Thị Nga	1-2, D		7-8, D					12/08/2019					2018
13	1100040				0	Nguyễn Chí Công	1-2, D		1-2, D					12/08/2019					2018
14	1100040				0	Phan Thu Lan	1-2, D		1-2, D					12/08/2019					2018
15	1100040				0	Đào Tiến Lợi			1-2, D		1-2, D			12/08/2019					2018
16	1100040				0	Giáp Văn Thịnh	7-8, D			1-2, D				12/08/2019					2018
17	1100040				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D			7-8, D				12/08/2019					2018
18	1100040				0	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			12/08/2019					2018
19	1100040				1	Kim Ieo Wou		1-2, D		1-2, D				12/08/2019					2018
20	1100040				1	Đặng Thị Loan		7-8, D		12-13, D									2017
	1100041	Thanh nhạc 2.2	VMU2005	1	1												8_TN_M4		
01	1100041				1	Giáp Văn Thịnh	7-8, D			1-2, D				19/08/2019					2017
	1090040	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1	3												*VMU2018		
01	1090040				1	.										hoa binh all			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1090040				1	.										daklak all			2019
03	1090040				1	.										Thai bình			2019
	1100009	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1	4												SPAN		
17	1100009				1	Đào Thị Khánh Chi							7-8, NC			Lien thông 11			2019
18	1100009				1	Ngô Quốc Khánh							7-8, NC			Lien thông 11			2019
19	1100009				1	Ngân Thị Thương							7-8, NC			Lien thông 11			2019
20	1100009				1	Nguyễn Thị Huyền							7-8, NC			Lien thông 11			2019
	1100071	Thanh nhạc 3 A	VMU2018*	0	16												5_SPAN		
01	1100071				0	Trần Thị Thảo		7-8, D						12/08/2019					2017
02	1100071				0	Đàm Minh Hưng		7-8, D						12/08/2019					2017
03	1100071				0	Hoàng Quốc Tuấn		7-8, D						12/08/2019					2017
04	1100071				0	Đào Thị Khánh Chi		7-8, D						12/08/2019					2017
05	1100071				0	Đặng Thị Lan		7-8, D						12/08/2019					2017
06	1100071				0	Nguyễn Thúy Hà		7-8, D						12/08/2019					2017
07	1100071				0	Phạm Thị Thu Trang			7-8, D					12/08/2019					2017
08	1100071				0	Trần Tân Phương			7-8, D					12/08/2019					2017
09	1100071				0	Nguyễn Thanh Duyên			7-8, D					12/08/2019					2017
10	1100071				0	Phạm Bích Ngọc			7-8, D					12/08/2019					2017
11	1100071				0	Trần Thị Thảo					1-2, D			12/08/2019					2017
12	1100071				0	Nguyễn Thị Huyền					1-2, D			12/08/2019					2017
13	1100071				0	Đinh Thị Hải Yến		7-8, D						12/08/2019					2017
14	1100071				0	Trần Mai Tuyết							1-2, N cao	12/08/2019					2017
15	1100071				12	Nguyễn Thị Huyền					7-8, C306			19/08/2019	01/12/2019	Lien thông 11			2019
16	1100071				1	Trần Thị Thảo		13-14, D						12/08/2019					2017
17	1100071				1	Đào Thị Khánh Chi							7-8, NC			Lien thông 11			2019
18	1100071				1	Ngô Quốc Khánh							7-8, NC			Lien thông 11			2019
19	1100071				1	Ngân Thị Thương							7-8, NC			Lien thông 11			2019
	1100052	Thanh nhạc 3.1	VMU2006	1	1												TN		
01	1100052				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D		1-2, D				12/08/2019					2017
02	1100052				1	Đặng Thị Loan		7-8, D		7-8, D									2017
03	1100052				0	Đặng Thị Loan	7-8, D		7-8, D					12/08/2019					2017
04	1100052				0	Viên Thị Hường			5-6, D		3-6, D			12/08/2019					2017
05	1100052				0	Giáp Văn Thịnh	7-8, D			1-2, D				12/08/2019					2017
06	1100052				0	Lê Thị Tình			1-2, D		1-2, D			12/08/2019					2017
07	1100052				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D			7-8, D				12/08/2019					2017
08	1100052				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		7-8, D					12/08/2019					2017
10	1100052				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D			7-8, D				12/08/2019					2017
11	1100052				0	Trần Thị Thanh Quý		1-2, D			7-8, D			12/08/2019					2017
12	1100052				0	Kim Ieo Wou		1-2, D		1-2, D				12/08/2019					2017
13	1100052				0	Đoàn Thúy Trang	7-8, D			1-2, D				12/08/2019					2017
14	1100052				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				12/08/2019					2017
15	1100052				0	Nguyễn Thị Nga	1-2, D		7-8, D					12/08/2019					2017
16	1100052				0	Trịnh Thị Oanh	1-2, D		1-2, D					12/08/2019					2017
17	1100052				0	Lê Thị Út		1-2, D		1-2, D				12/08/2019					2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1100056	Thanh nhạc 3.2	VMU2006	1	3												TN		
01	1100056				1	Đặng Thị Loan		7-8, D		7-8, D				12/08/2019					2016
02	1100056				1	Trần Mai Tuyết		1-2, D		1-2, D				12/08/2019					2016
03	1100056				1	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				12/08/2019					2016
	1100010	Thanh nhạc 4	VMU2019	1	1												SPAN		
01	1100010				0	Đào Tiến Lợi		1-2, D						12/08/2019					2016
02	1100010				0	Bùi Thanh Tuyền		1-2, D						12/08/2019					2016
03	1100010				0	Ngân Thị Thương		1-2, D						12/08/2019					2016
04	1100010				0	Trần Tân Phương		1-2, D						12/08/2019					2016
05	1100010				0	Nguyễn Thúy Hà		1-2, D						12/08/2019					2016
06	1100010				0	Phạm Thị Thu Trang			1-2, D					12/08/2019					2016
07	1100010				0	Nguyễn Thị Huyền			1-2, D					12/08/2019					2016
08	1100010				0	Ngô Quốc Khánh			1-2, D					12/08/2019					2016
09	1100010				0	Vũ Thanh Thùy			1-2, D					12/08/2019					2016
10	1100010				0	Đinh Thị Hải Yến			1-2, D					12/08/2019					2016
11	1100010				0	Phạm Bích Ngọc					1-2, D			12/08/2019					2016
12	1100010				0	Nguyễn Thanh Duyên					1-2, D			12/08/2019					2016
13	1100010				0	Hà Thị Lý					1-2, D			12/08/2019					2016
14	1100010				0	Ngô Quốc Khánh							1-2, D	12/08/2019					2018
15	1100010				0	Ngân Thị Thương							1-2, D	12/08/2019					2018
16	1100010				0	Trần Thị Thảo							1-2, N cao	12/08/2019					2016
17	1100010				1									12/08/2019					2015
	1090048	Thanh nhạc 4	VMU2019	1	1												VMU2019		
01	1090048				1	.										Đã năg 2018			2018
	1100088	Thanh nhạc 4.1	VMU2007	1	2												TN		
01	1100088				1	Nguyễn Thị Nga		7-8, D		1-2, D									2016
02	1100088				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D			7-8, D				12/08/2019					2016
03	1100088				1														2016
04	1100088				0	Viên Thị Hường		1-2, D		1-2, D				12/08/2019					2016
06	1100088				0	Chu Thị Hoài Phương		1-2, D		7-8, D				12/08/2019					2016
07	1100088				0	Giáp Văn Thịnh	1-2, D			10-11, D				12/08/2019					2016
08	1100088				0	Lê Thị Tinh			7-8, D		7-8, D			12/08/2019					2016
09	1100088				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D			1-2, D				12/08/2019					2016
10	1100088				0	Trần Thị Thanh Quý		1-2, D			7-8, D			12/08/2019					2016
11	1100088				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D			5-6, D				12/08/2019					2016
12	1100088				0	Đoàn Thúy Trang	1-2, D			7-8, D				12/08/2019					2016
13	1100088				0	Nguyễn Mai Hương	1-2, D		1-2, D					12/08/2019					2016
14	1100088				0	Đàm Minh Hưng	1-2, D		1-2, D					12/08/2019					2016
15	1100088				0	Nguyễn Chí Công	1-2, D		1-2, D					12/08/2019					2016
16	1100088				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				12/08/2019					2016
17	1100088				0	Nguyễn Thị Nga		7-8, D		1-2, D				12/08/2019					2016
	1170036	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu SP thương mại	GRD2033	2	195												6 TKDH_M4_TC		
01	1170036				15	Phạm Phương Linh	3-4, E602		3-4, E602					19/08/2019	17/11/2019				2016
02	1170036				15	Nguyễn Lê Mai	3-4, E602		3-4, E602					19/08/2019	17/11/2019				2016
03	1170036				15	Lò Mai Trang	3-4, E602		3-4, E602					19/08/2019	17/11/2019				2016
04	1170036				15	Dương Thị Vân	3-4, E602		3-4, E602					19/08/2019	17/11/2019				2016
05	1170036				15	Ng.Hoài Phương Anh	1-2, E602		1-2, E602					12/08/2019	17/11/2019				2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1170036				15	Dương Thị Vân	1-2, E602		1-2, E602					12/08/2019	17/11/2019				2016
07	1170036				15	Phạm Hùng Cường	1-2, E602		1-2, E602					12/08/2019	17/11/2019				2016
08	1170036				15	Vũ Minh Hoàng				3-4, E602		3-4, E602		22/08/2019	17/11/2019				2016
09	1170036				15	Nguyễn Thị Hải Yến				3-4, E602		3-4, E602		22/08/2019	17/11/2019				2016
10	1170036				15	Lò Mai Trang				3-4, E602		3-4, E602		22/08/2019	17/11/2019				2016
11	1170036				15	Nguyễn Văn Hiến				1-2, E602		1-2, E602		15/08/2019	17/11/2019				2016
12	1170036				15					1-2, E602		1-2, E602		15/08/2019	17/11/2019				2016
13	1170036				15	Nguyễn Lê Mai				1-2, E602		1-2, E602		15/08/2019	17/11/2019				2016
	1020012	Thiết kế trên Manocanh	FAD2018	2	90														
01	1020012				15	Lưu Ngọc Lan					7-11, XM			26/08/2019	27/10/2019				2016
02	1020012				15	Nguyễn Huyền Trang					7-11, XM			26/08/2019	27/10/2019				2016
03	1020012				15	Vũ Mai Hiền		1-5, E						26/08/2019	27/10/2019				2016
04	1020012				15	Đỗ Thu Huyền					7-11, XM			26/08/2019	27/10/2019				2016
05	1020012				15	Nguyễn Huyền Trang			1-5, E					26/08/2019	27/10/2019				2016
06	1020012				15	Đỗ Thu Huyền			1-5, E					26/08/2019	27/10/2019				2016
	1090078	Thực hành Âm nhạc tổng hợp	MUS2050	5	2												MUS2050		
01	1090078				1	.										Quoc oai			2017
02	1090078				1														2017
	1020023	Thực hành công nghệ may 2	FAD2012	3	60														
01	1020023				12	Vũ Mai Hiền				1-5, XM				30/09/2019	01/12/2019				2017
02	1020023				12	Lưu Ngọc Lan		7-11, XM						30/09/2019	01/12/2019				2017
03	1020023				12	Vũ Mai Hiền				7-11, XM				30/09/2019	01/12/2019				2017
04	1020023				12	Ngô Thị Thủy Thu					1-5, XM			30/09/2019	01/12/2019				2017
05	1020023				12	Lê Thị Hồng Quyên		7-11, XM						30/09/2019	01/12/2019				2017
	1200025	Thực hành công nghệ may 4	DGI2025	3	20														
01	1200025				20	Ng. Thị Bích Liên	7-11, A204							12/08/2019	20/10/2019				2017
	1200028	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 1	DGI2028	2	8														
01	1200028				8						7-11, A204			12/08/2019	17/11/2019				2018
	1200030	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 3	DGI2030	3	20														
01	1200030				20	Ngô Thị Thủy Thu			1-5, A204					12/08/2019	20/10/2019				2017
	1200044	Thực tập chuyên ngành	DGI2044	2	19														
01	1200044				19	Ng. Thị Minh Ngọc							1-5, TTCN	01/07/2019	03/08/2019				2017
	1080113	Thực tập nghề nghiệp	CLM2075	3	14												DVK		
01	1080113				14	Dương Anh Đức							1-5, TTTN	18/11/2019	22/12/2019	K3 DVK			2017
	1190035	Thực tập nghề nghiệp 2	PIA2025	4	16														
01	1190035				16	Lại Thị Phương Thảo							1-5, TTNN	09/12/2019	29/12/2019				2016
	1100055	Thực tập nghề nghiệp 2	VMU2015	6	49												7_TN_M5		
01	1100055				49	Trần Mai Tuyết							7-11, TTNN	28/10/2019	30/11/2019				2016
	1060078	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	52												6*ĐH		
01	1060078				22	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	LT K10			2018
02	1060078				30	Hoàng Thị Dung							7-11, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	K11			2016
	1070122	Thực tập sư phạm 2	MUS2047	4	152												ĐH SP		
01	1070122				35	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	a			2016
02	1070122				35	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	b			2016
03	1070122				35	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	c			2016
04	1070122				35	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	d			2016
05	1070122				12	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP			MN			2016
	1070128	Thực tập sư phạm 2	MUS2147	3	16												LT CD - ĐH		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070128				16	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	LT K10			2018
	1060089	Thực tập sư phạm 2	FAE2034	3	6												SP MT MN		
01	1060089				6	Hoàng Thị Dung							7-11, TTSP	14/10/2019	17/11/2019	MN			2016
	1080114	Thực tập tiền tốt nghiệp	CLM2076	5	12												DVK		
01	1080114				12	Dương Anh Đức							1-5, TTTN	18/11/2019	22/12/2019	DVK -2			2016
	1020009	Thực tập tốt nghiệp	FAD2048	4	80														
01	1020009				40	Lưu Ngọc Lan							1-5, TTCM3	15/07/2019	03/08/2019				2016
02	1020009				40	Vũ Mai Hiền							1-5, TTCM3	15/07/2019	03/08/2019				2016
	1170047	Thực tập tốt nghiệp	GRD2041	4	220												9_TKDH_M5		
01	1170047				55	Phạm Phương Linh							1-5, TTTN	30/09/2019	24/11/2019	A			2015
02	1170047				55	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTTN	30/09/2019	24/11/2019	B			2015
03	1170047				55	Dương Thị Vân							1-5, TTTN	30/09/2019	24/11/2019	C			2015
04	1170047				55	Nguyễn Văn Hiến							1-5, TTTN	30/09/2019	24/11/2019	D			2015
	1020034	Thực tế chuyên môn 1	FAD2045	2	70														
01	1020034				35	Vũ Thanh Nghị							7-11, TTCM			thuc hien ky 2			2018
02	1020034				35	Tô Kim Nhung							7-11, TTCM			thuc hien ky 2			2018
	1170042	Thực tế chuyên môn 1	GRD2037	2	150												3_TKDH_M5		
01	1170042				50	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM1	15/07/2019	28/07/2019	a			2018
02	1170042				50	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTCM1	15/07/2019	28/07/2019	b			2018
03	1170042				50	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, TTCM1	15/07/2019	28/07/2019	c			2018
	1020015	Thực tế chuyên môn 2	FAD2047	2	60														
01	1020015				30	Hoàng Thị Oanh							7-11, TTCM			thuc hien ky 2			2017
02	1020015				30	Lê Thị Hồng Quyên							7-11, TTCM			thuc hien ky 2			2017
	1060064	Thực tế chuyên môn 2	FAE2012	2	45												4*FAE2012		
01	1060064				45	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM2	09/12/2019	05/01/2020				2018
	1040001	Tiếng Anh 1	CFL2001	4	527												1* A1 chung		
01	1040001				35	Trịnh Thị Hà	1-5, E506							16/09/2019					2019
02	1040001				35	Lê Thị Hiền	7-11, E305							16/09/2019					2019
03	1040001				35	Nguyễn Thị Ân		1-5, E506						16/09/2019					2019
04	1040001				35	Nguyễn Thanh Dung		7-11, E403						16/09/2019					2019
05	1040001				35	Trương Tổ Loan			1-5, E403					16/09/2019					2019
06	1040001				35	Phạm Thị Ngọc Bích			7-11, E405					16/09/2019					2019
07	1040001				35	Hoàng Thị Thu Hằng				1-5, E405				16/09/2019					2019
08	1040001				35	Phạm Thị Ngọc Bích				7-11, E101				16/09/2019					2019
09	1040001				35	Ngô Thị Hòa					1-5, E502			16/09/2019					2019
10	1040001				35	Phạm Thị Lý					7-11, E405			16/09/2019					2019
11	1040001				35	Nguyễn Thanh Dung						1-5, E507		16/09/2019					2019
12	1040001				35	Hoàng Thị Thu Hằng						7-11, E507		16/09/2019					2019
13	1040001				35	Trương Tổ Loan						1-5, D404		16/09/2019					2019
14	1040001				35	Lê Thị Hiền						7-11, D404		16/09/2019					2019
15	1040001				35	Nguyễn Thị Ân						7-11, E506		16/09/2019					2019
16	1040001				1	Trịnh Thị Hà							1-5, E101	16/09/2019					2019
17	1040001				1	Phạm Thị Lý							1-5, E403	16/09/2019					2019
	1090042	Tiếng Anh chuyên ngành	CFL2005	2	2												CFL2005		
01	1090042				1	.										Hung yen			2018
02	1090042				1	.										Đà Nẵng 2018			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1090110	Tiếng anh chuyên ngành	CFL2007	2	11												CFL2007		
01	1090110				11	..										TC			2019
	1040014	Tiếng Anh chuyên ngành (AN)	CFL2005	2	281												3* \Am nhạc		
01	1040014				40	Trương Tổ Loan	7-11, E101							14/10/2019	24/11/2019				2018
02	1040014				40	Nguyễn Thị Ân			1-5, E101					14/10/2019	24/11/2019				2018
03	1040014				40									14/10/2019	24/11/2019				2018
04	1040014				40	Nguyễn Thanh Dung				1-5, E101				14/10/2019	24/11/2019				2018
05	1040014				40	Phạm Thị Lý					1-5, E101			14/10/2019	24/11/2019				2018
06	1040014				40	Ngô Thị Hòa						1-5, E101		14/10/2019	24/11/2019				2018
07	1040014				40	Ngô Thị Hòa						7-11, E101		14/10/2019	24/11/2019				2018
08	1040014				1	Nguyễn Thanh Dung							7-11, LR			K11 CD-TC 2019 AN			2019
	1040006	Tiếng Anh chuyên ngành (QLVH)	CFL2007	2	50												3* QLVH		
01	1040006				50	Trịnh Thị Hà		1-5, E101						12/08/2019	22/09/2019				2016
	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành (TKDH)	CFL2004	2	180												3* 7_TKDH_M4		
01	1040007				45	Trương Tổ Loan		1-5, E403						12/08/2019	22/09/2019				2016
02	1040007				45	Lê Thị Hiền		7-11, E403						12/08/2019	22/09/2019				2016
03	1040007				45	Phạm Thị Ngọc Bích					7-11, E101			12/08/2019	22/09/2019				2016
04	1040007				45	Nguyễn Thị Ân					1-5, E405			12/08/2019	22/09/2019				2016
	1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	80												3* TKTT		
01	1040009				40	Phạm Thị Lý		7-11, E405						12/08/2019	22/09/2019				2018
02	1040009				40	Phạm Thị Ngọc Bích					1-5, E403			12/08/2019	22/09/2019				2018
	1080107	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 1	CLM2070	3	25														
01	1080107				25	Kiều Minh Hiếu			1-5, E505					19/08/2019					2019
	1080110	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 3	CLM2072	3	14														
01	1080110				14	Kiều Minh Hiếu			7-11, E502					12/08/2019	03/11/2019				2018
	1040017	Tiếng Việt thực hành	CFL2008	2	330												1* CFL2008_2015		
01	1040017				55	Lê Thị Mỹ Hạnh					7-11, E403			26/08/2019	06/10/2019				2019
02	1040017				55	Hà Thị Thu Hà	7-11, E501							09/09/2019	20/10/2019				2019
03	1040017				55									26/08/2019	06/10/2019				2019
04	1040017				55	Lê Thị Mỹ Hạnh						7-11, E405		26/08/2019	06/10/2019				2019
05	1040017				50	Hà Thị Thu Hà						7-11, E405		07/10/2019	17/11/2019				2019
06	1040017				60	Lê Thị Mỹ Hạnh						1-5, E405		26/08/2019	06/10/2019				2019
	1060106	Tin học chuyên ngành	FAE2073	2													2019		
01	1060106				0	Trang Tổ Uyên							7-11, B						2019
02	1060106				0	Nguyễn Thị Giang							7-11, B						2019
03	1060106				0	Trần Anh Hoàng							7-11, B						2019
04	1060106				0	Trang Tổ Uyên							7-11, B						2019
05	1060106				0	Nguyễn Thị Giang							7-11, B						2019
06	1060106				0	Trần Anh Hoàng							7-11, B						2019
	1090083	Tin học chuyên ngành	CLM2005	2	1												CLM2005		
01	1090083				1	..										TC+ CD			2019
	1070033	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	173												MUS2001		
01	1070033				40	Nguyễn Khải	1-5, E402							12/08/2019	06/10/2019				2017
02	1070033				40	Nguyễn Khải		1-5, E402						12/08/2019	06/10/2019				2017
03	1070033				40	Nguyễn Khải				1-5, E402				12/08/2019	06/10/2019				2017
04	1070033				40	Lương Minh Tân			1-5, E402					12/08/2019	06/10/2019				2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1070033				12	Nguyễn Khải							7-11, LR			K11 CD-TC 2019			2019
06	1070033				1														2019
	1090010	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	3												MUS2001		
01	1090010				1	.										hoa binh all			2019
02	1090010				1	.										daklak all			2019
03	1090010				1	.										Thai binh			2019
	1200026	Tin học chuyên ngành 1	DGI2026	2	8														
01	1200026				8	Trần Thanh Nga	7-11, P tin							19/08/2019	27/10/2019				2018
	1170026	Tin học chuyên ngành 2	GRD2021	3	140												5_TKDH_M4		
01	1170026				14	Lê Huy Thục	1-4, E406		1-4, E406					12/08/2019	29/09/2019				2017
02	1170026				14	Tổng Việt Anh	1-4, E406		1-4, E406					12/08/2019	29/09/2019				2017
03	1170026				14	Nguyễn Thanh Huyền	1-4, E406		1-4, E406					12/08/2019	29/09/2019				2017
04	1170026				14	Nguyễn Xuân Giáp	1-4, E406		1-4, E406					12/08/2019	29/09/2019				2017
05	1170026				14	Nguyễn Duy Hùng	7-10, E406		7-10, E406					12/08/2019	29/09/2019				2017
06	1170026				14		7-10, E406		7-10, E406					12/08/2019	29/09/2019				2017
07	1170026				14		7-10, E406		7-10, E406					12/08/2019	29/09/2019				2017
08	1170026				14	Lê Huy Thục				1-4, E406		1-4, E406		12/08/2019	29/09/2019				2017
09	1170026				14	Tổng Việt Anh				1-4, E406		1-4, E406		12/08/2019	29/09/2019				2017
10	1170026				14	Nguyễn Thanh Huyền				1-4, E406		1-4, E406		12/08/2019	29/09/2019				2017
	1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	385												1* 1_m.chung_M1		
01	1040002				40	Vũ Việt Hoàng					1-5, E401			12/08/2019	06/10/2019	ok			2018
02	1040002				40	Vũ Việt Hoàng				1-5, E401				12/08/2019	06/10/2019	ok			2018
03	1040002				40	Vũ Việt Hoàng			1-5, E401					12/08/2019	06/10/2019	ok			2018
04	1040002				40	Nguyễn Khắc Huân						1-5, E401		12/08/2019	06/10/2019	ok			2018
05	1040002				40	Nguyễn Khắc Huân						7-11, E401		12/08/2019	06/10/2019	ok			2018
06	1040002				40	Trần Danh Toàn						7-11, E402		12/08/2019	06/10/2019				2018
07	1040002				40	Vũ Việt Hoàng	7-11, E401							12/08/2019	06/10/2019	ok			2018
08	1040002				35	Vũ Việt Hoàng			7-11, E401					14/10/2019	08/12/2019	MT			2019
09	1040002				35	Vũ Việt Hoàng				7-11, E401				14/10/2019	08/12/2019				2019
10	1040002				35	Vũ Việt Hoàng					7-11, E401			14/10/2019	08/12/2019				2019
	1090086	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	CLM2007	2	1												CLM2007		
01	1090086				1	..										TC+ CD			2019
	1080032	Tổ chức sự kiện	CLM2033	4	45												7_QLVH_M4		
01	1080032				45	Lương Thị Giang			7-11, E503					12/08/2019	20/10/2019	K10 QL			2016
	1200005	Toán cao cấp	DGI2005	2	8														
01	1200005				8	Trần Thanh Nga			1-5, A		1-5, A			12/08/2019	20/10/2019				2018
	1200032	Trang trí chuyên ngành	DGI2032	3	8														
01	1200032				8	Vũ Thanh Nghị	1-5, A203	1-5, A203						30/09/2019	24/11/2019				2018
	1020018	Trang trí chuyên ngành 2	FAD2023	2	60														
01	1020018				12	Trần Thị Liên	1-5, C	1-5, C						30/09/2019	24/11/2019				2017
02	1020018				12	Hoàng Thắng	1-5, C	1-5, C						30/09/2019	24/11/2019				2017
03	1020018				12	Tô Kim Nhung	1-5, C	1-5, C						30/09/2019	24/11/2019				2017
04	1020018				12	Trần Thị Liên				7-11, C	7-11, C			30/09/2019	24/11/2019				2017
05	1020018				12	Tô Kim Nhung				7-11, C	7-11, C			30/09/2019	24/11/2019				2017
	1020047	Trang trí cơ bản	DGI2002	3	9														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1020047				9					7-11, B	7-11, B	7-11, B		09/09/2019	03/11/2019				2019
	1020038	Trang trí cơ bản 1	FAD2054	2	38														
01	1020038				12	Ngô Thị Thu Hà	7-11, B	7-11, B						19/08/2019	13/10/2019				2019
02	1020038				12	Trương Tuấn Anh				1-5, B	1-5, B			19/08/2019	13/10/2019				2019
03	1020038				12	Lê Mai Trinh				1-5, B	1-5, B			19/08/2019	13/10/2019				2019
04	1020038				2	Trương Tuấn Anh				1-5, B	1-5, B								2019
	1060038	Trang trí cơ bản 1	FAE2051	2	31												1_SPMT_M4		
01	1060038				15	Nguyễn Thị Trang Ngà	7-11, B	7-11, B	7-11, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
02	1060038				15	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, B	7-11, B	7-11, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
03	1060038				1	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, B	7-11, B	7-11, B					19/08/2019	13/10/2019				2019
	1060104	Trang trí ứng dụng	FAE2088	2	10												2019		
01	1060104				10	Lưu Thị Hồng Diễm							7-11, B			K1 TC MT			2019
	1060040	Trang trí ứng dụng 1	FAE2004	2	39												3* FAE2004		
01	1060040				13	Lưu Thị Hồng Diễm	1-5, B101	1-5, B101	1-5, B101					12/08/2019	06/10/2019	K13 + HH			2018
02	1060040				13	Nguyễn Quang Huy	1-5, B102	1-5, B102	1-5, B102					12/08/2019	06/10/2019	K13 + HH			2018
03	1060040				13	Chu Thị Hương Thu	1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103					12/08/2019	06/10/2019	K13 + HH			2018
	1060041	Trang trí ứng dụng 2	FAE2005	2	61												3* FAE2005		
01	1060041				13	Nguyễn Thị Hà Hoa	7-11, B101	7-11, B101	7-11, B101					07/10/2019	01/12/2019	K13 + HH			2018
02	1060041				13	Nguyễn Thị Huyền	7-11, B102	7-11, B102	7-11, B102					07/10/2019	01/12/2019	K13 + HH			2018
03	1060041				13	Chu Thị Hương Thu	7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103					07/10/2019	01/12/2019	K13 + HH			2018
04	1060041				11	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, B201	1-5, B201	1-5, B201		30/09/2019		LT K10			2018
05	1060041				11	Nguyễn Thị Trang Ngà				1-5, B202	1-5, B202	1-5, B202		30/09/2019		LT K10			2018
	1140040	Triết học Mác-Lênin	POL2009	3	560												1 2019		
01	1140040				50		1-5, E507							02/09/2019	01/12/2019				2019
02	1140040				50		7-11, E507							02/09/2019	01/12/2019	p			2019
03	1140040				50				1-5, D204					02/09/2019	01/12/2019				2019
04	1140040				50				7-11, E101					02/09/2019	01/12/2019				2019
05	1140040				50						1-5, E301			02/09/2019	01/12/2019	SPMT HH			2019
06	1140040				50						7-11, D404			02/09/2019	01/12/2019	dh			2019
07	1140040				50			1-5, D2						02/09/2019	01/12/2019				2019
08	1140040				50			7-11, E101						02/09/2019	01/12/2019				2019
09	1140040				50					1-5, D405				02/09/2019	01/12/2019	tn			2019
10	1140040				50					7-11, E306				02/09/2019	01/12/2019				2019
11	1140040				50							1-5, D3		02/09/2019	01/12/2019				2019
13	1140040				10								1-5, ANMT TC			ANMT TC K3			2019
	1130003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	450												3* 3_mon_chung_M1		
01	1130003				50	Bạch Thị Lan Anh	1-5, E301							12/08/2019	06/10/2019				2018
02	1130003				50	Bạch Thị Lan Anh			1-5, E301					12/08/2019	06/10/2019				2018
03	1130003				50	Bạch Thị Lan Anh						1-5, E301		12/08/2019	06/10/2019				2018
04	1130003				50	Bạch Thị Lan Anh						7-11, E301		12/08/2019	06/10/2019				2018
05	1130003				50	Phạm Ngọc Anh	7-11, E301							12/08/2019	06/10/2019				2018
06	1130003				50	Phạm Ngọc Anh		7-11, E301						12/08/2019	06/10/2019				2018
07	1130003				50	Phạm Ngọc Anh				7-11, E301				12/08/2019	06/10/2019				2018
08	1130003				50	Phạm Ngọc Anh					7-11, E301			12/08/2019	06/10/2019				2018
09	1130003				50	Phạm Ngọc Anh					7-11, E301			07/10/2019					2018
	1090050	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	3												POL2003		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1090050				1	.										Hung yen			2018
02	1090050				1	..										nghe an 69 79			2019
03	1090050				1	.										daklak TC			2019
	1040016	Ứng dụng tin học trong GDMN	INF2002	2	8												2*		
01	1040016				8				7-11, E401					07/10/2019					2017
	1080029	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	CLM2030	2	42												2_QLVH_M4		
01	1080029				40	Nguyễn Thị Phương Thanh			7-11, E506					19/08/2019	13/10/2019	8			2019
02	1080029				1	Nguyễn Thị Phương Thanh			7-11, E506										2019
03	1080029				1	Nguyễn Thị Phương Thanh			7-11, E506										2019
	1090101	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	CLM2030	2	1												CLM2030		
01	1090101				1	..										nghe an 79			2019
	1090090	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2	1												CLM2016		
01	1090090				1	..										TC+ CD			2019
	1090084	Văn hóa học đại cương	CLM2003	2	1												CLM2003		
01	1090084				1	..										nghe an all			2019
	1140027	Văn học dân gian	PPE2017	2	8												1*		
01	1140027				8	Hà Thị Thu Hà	7-11, E506							30/09/2019	24/11/2019				2017
	1020007	Vật liệu may	FAD2007	2	70														
01	1020007				35	Ng.Triều Dương							1-5, E	19/08/2019	29/09/2019				2018
02	1020007				35	Ng.Triều Dương				1-5, E				19/08/2019	29/09/2019				2018
	1200010	Vật liệu may 1	DGI2010	2	9														
01	1200010				9	Ng.Triều Dương		7-11, E						09/09/2019					2019
	1200011	Vật liệu may 2	DGI2011	2	20														
01	1200011				20	Ng.Triều Dương				7-11, A203				12/08/2019	22/09/2019				2017
	1080059	Xã hội học văn hóa	CLM2034	3	80												CLM2034_2014		
01	1080059				40	Nguyễn Thị Trà Vinh						1-5, E502		12/08/2019	03/11/2019	K12QL			2018
02	1080059				40	Lương Thị Đào	1-5, E403							12/08/2019	03/11/2019	K12QL			2018
	1080036	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	45												7_QLVH_M4		
01	1080036				45	Bùi Hồng Hạnh			1-5, E502					12/08/2019	20/10/2019	K10 QL			2016
	1090096	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	1												CLM2037		
01	1090096				1	..										TC+ CD			2019

Người lập